

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Mùi
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI
CÔNG TY TNHH QUANG ĐẠO**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Đào Thị Mùi

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG – 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Mùi Mã SV: 1313401006
Lớp: QL701K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH Quang Đạo trong 3 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty TNHH Quang Đạo.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

ThS. Nguyễn Đức Kiên

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thành đề tài nghiên cứu
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất để gắn với thực tiễn sản xuất - kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toàn công tác kế toán của đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh họa trong khóa luận đã có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn:

Điểm bằng số:

Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

Ths.Nguyễn Đức Kiên

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC VIẾT TẮT

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	3
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm	4
1.2.2 Chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.3 Phân loại chi phí sản xuất.....	5
1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí.....	5
1.3.2 Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động	6
1.3.3 Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động.....	6
1.4 .Phân loại giá thành sản phẩm.....	7
1.4.1. Phân loại theo thời điểm xác định giá thành	7
1.4.2 Phân loại theo nội dung cấu thành giá thành	7
1.5 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.	8
1.5.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	8
1.5.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính Z	8
1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất	9
1.6.1 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.....	9
1.6.2 Trình tự hạch toán chi phí sản xuất.....	9
1.7 Phương pháp tính giá thành sản phẩm	9
1.7.1 Phương pháp giản đơn.....	9
1.7.2. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ	10
1.7.3. Phương pháp hệ số	10
1.7.4 Phương pháp tỷ lệ.....	11
1.7.5. Phương pháp đơn đặt hàng.....	12

1.7.6. Phương pháp phân bước.....	12
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang	13
1.8.1 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc chi phí nguyên vật chính).....	14
1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo ước lượng sản lượng hoàn thành tương đương.....	14
1.8.3 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo giá thành định mức ...	15
1.8.4 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50 % chi phí chế biến	16
1.9 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	16
1.9.1 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	16
1.9.1.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	16
1.9.1.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	17
1.9.1.3 Kế toán chi phí sản xuất chung	18
1.9.1.4 Tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm.....	21
1.9.2 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	22
1.10 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	23
1.10.1 Chi phí sản xuất và sửa chữa sản phẩm hỏng	23
1.10.2 Kế toán thiệt hại ngừng sản xuất.....	25
1.11 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán	26
1.11.1 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung	26
1.11.2 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký sổ cái	27
1.11.3 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ.....	28
1.11.4 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.	29
1.11.5 Hình thức kế toán trên máy tính.....	30

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH QUANG ĐẠO	31
2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.	31
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Quang Đạo.....	31
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm,tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty TNHH Quang Đạo.	32
2.1.2.1 Đặc điểm sản phẩm	32
2.1.2.2 Quy trình công nghệ tại công ty TNHH Quang Đạo.	33
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Quang Đạo.....	33
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách áp dụng tại công ty TNHH Quang Đạo.....	34
2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH Quang Đạo.	34
2.1.4.2 Chính sách kế toán chủ yếu tại công ty TNHH Quang Đạo.....	35
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.	37
2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất	37
2.2.2 . Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm	37
2.2.3 Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	37
2.2.4. Nội dung,trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.	38
2.2.4.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty TNHH Quang Đạo.	38
2.2.4.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Quang Đạo... 48	48
2.2.4.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH Quang Đạo.....	57
2.2.4.5 Tổng hợp chi phí sản xuất,đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.	62
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI ..	70
CÔNG TY TNHH QUANG ĐẠO.....	70
3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH Quang Đạo.....	70

3.1.1. Ưu điểm.....	70
3.1.2. Nhược điểm.....	72
3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	72
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành tại công ty TNHH Quang Đạo.....	73
3.3.1 Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành tại công ty TNHH Quang Đạo.	73
3.3.2 Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành tại công ty TNHH Quang Đạo.	74
3.4 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo.	75
3.4.1 Kiến nghị 1: Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công tác kế toán	75
3.4.2 Kiến nghị 2: Về công tác hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất	76
3.4.3 Kiến nghị 3: Về phế liệu thu hồi ghi giảm chi phí sản xuất	77
3.4.4. Về việc trích trước chi phí.....	77
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo.	78
3.5.1 Về phía nhà nước	78
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	78
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. 1: Kế toán tổng hợp “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”	17
Sơ đồ 1. 2: Kế toán tổng hợp “Chi phí nhân công trực tiếp”	18
Sơ đồ 1. 3: Kế toán tổng hợp “Chi phí sản xuất chung”	20
Sơ đồ 1. 4: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên	21
Sơ đồ 1. 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ	23
Sơ đồ 1. 6: Hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được	24
Sơ đồ 1. 7:Hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được	24
Sơ đồ 1. 8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung	26
Sơ đồ 1. 9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký sổ cái.....	27
Sơ đồ 1. 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ	28
Sơ đồ 1. 11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	29
Sơ đồ 1. 12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính	30
Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất đệm tại công ty TNHH Quang Đạo	33
Sơ đồ 2.2:Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Quang Đạo	33
Sơ đồ 2.3 : Mô hình tổ chức kế toán tại công ty TNHH Quang Đạo.....	34
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo hình thức nhật ký chung.	36
Sơ đồ 3.1: Hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được	77
Sơ đồ 3.2: Hạch toán trích trước chi phí	78

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần đây	31
Biểu số 2. 2: Hóa đơn GTGT 0000245	40
Biểu số 2. 3:Phiếu nhập kho số 06/12	41
Biểu số 2. 4:Sổ chi tiết tài khoản 152 – Vải Cotton.....	42
Biểu số 2. 5:Phiếu xuất kho vật liệu.....	43
Biểu số 2. 6:Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	45
Biểu số 2. 7: Trích Sổ nhật ký chung.....	46
Biểu số 2. 8: Trích sổ cái tài khoản “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”	47
Biểu số 2.9:Bảng tính các khoản trích theo lương	49
Biểu số 2. 10:Trích bảng chấm công tháng 12/2014	50
Biểu số 2.11:Trích bảng thanh toán lương tháng 12.....	52
Biểu 2.12:Trích bảng trích các khoản theo lương.....	53
Biểu 2.13:Trích bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương:.....	54
Biểu số 2.14:Trích Sổ nhật ký chung.....	55
Biểu số 2. 15: Trích sổ cái TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp	56
Biểu số 2. 16:Hóa đơn GTGT:	58
Biểu số 2. 17:Trích bảng tính khấu hao tài sản cố định	59
Biểu số 2. 18:Trích sổ nhật ký chung.....	60
Biểu số 2. 19:Trích sổ cái TK 627	61
Biểu 2.20: Phiếu kế toán	63
Biểu 2.21: Phiếu kế toán	63
Biểu 2.22: Phiếu kế toán	64
Biểu số 2.23:Bảng tổng hợp và phân bổ chi phí sản xuất:.....	64
Biểu số 2.24: Bảng tính giá thành sản phẩm.....	66
Biểu số 2. 25: Phiếu nhập kho.....	67
Biểu số 2. 26:Trích sổ nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.27:Trích Sổ cái TK 154.....	69

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
CP	Chi phí
GTGT	Giá trị gia tăng
NVL	Nguyên vật liệu
CCDC	Công cụ dụng cụ
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
BQ	Bình quân
QLPX	Quản lý phân xưởng
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NSNN	Ngân sách Nhà nước
TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
DDĐK	Dở dang đầu kỳ
DDCK	Dở dang cuối kỳ
PSTK	Phát sinh trong kỳ
PKT	Phiếu kế toán

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp có thể kinh doanh hiệu quả thì công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp là rất quan trọng. Trong đó kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là nội dung chủ yếu của công tác kế toán phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và chất lượng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thì giá thành chính là thước đo mức chi phí tiêu hao phải bù đắp sau mỗi chu kỳ sản xuất kinh doanh. Để đảm bảo việc hạch toán chi phí sản xuất và giá thành chính xác, kịp thời, phù hợp với đặc điểm hình thành và phát sinh chi phí của doanh nghiệp đòi hỏi các doanh nghiệp phải vận dụng các phương thức tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh sao cho hiệu quả. Việc nghiên cứu, thực hiện, xác định đúng đắn mức chi phí sản xuất, tiêu hao sản phẩm vì mục đích cuối cùng đó là sản xuất sản phẩm với chi phí thấp nhất mà vẫn giữ được chất lượng sản phẩm từ đó hạ thấp giá thành, tái sản xuất và tìm kiếm lợi nhuận. Giúp doanh nghiệp có thể tự tin, đứng vững trên thị trường trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Xuất phát từ những ý nghĩa quan trọng ở trên em đã chọn đề tài “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**” tại Công ty TNHH Quang Đạo làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong công ty.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là “ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm” tại công ty TNHH Quang Đạo
- Phạm vi nghiên cứu đề tài: Tại công ty TNHH Quang Đạo.

4.Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5.Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm các nội dung được khái quát như sau:

Chương 1:Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.

Chương 3:Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo.

Sinh viên

Đào Thị Mùi

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình bằng cách mua nguyên vật liệu, công cụ - dụng cụ, máy móc thiết bị, sử dụng con người, ... để tiến hành sản xuất, chế tạo sản phẩm và tiêu thụ trên thị trường. Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất thông qua các yếu tố chi phí sản xuất để tổng hợp tính giá thành sản phẩm, cuối cùng xác định kết quả kinh doanh sau khi tiêu thụ sản phẩm. Vậy việc xác định chi phí sản xuất là khâu rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những ý nghĩa trên chi phí sản xuất được khái quát như sau: Chi phí sản xuất là toàn bộ những chi phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện quá trình sản xuất và đạt được mục đích là tạo ra sản phẩm.

Chi phí sản xuất mang tính đa dạng và phong phú trong mỗi lĩnh vực sản xuất có nhiều ngành nghề khác nhau và có những quy trình sản xuất khác nhau. Do đó sẽ phát sinh những chi phí khác nhau.

Xác định nội dung của chi phí sản xuất để thấy được bản chất của chi phí sản xuất là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong quản lý chi phí sản xuất của các doanh nghiệp nói chung và công tác tính giá thành nói riêng. Xuất phát từ mục đích sản xuất và nguyên tắc kinh doanh trong nền kinh tế thị trường thì mọi sản phẩm khi được tạo ra luôn được các doanh nghiệp quan tâm đến hiệu quả do sản phẩm mang lại. Vì vậy các doanh nghiệp phải tính toán lựa chọn để sản xuất với chi phí thấp nhất nhằm hạ giá thành sản phẩm mang lại lợi nhuận cao. Các chi phí mà các doanh nghiệp phải đầu tư rất đa dạng nhưng tựu chung bao gồm các khoản:

- Chi phí về nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu
- Chi phí về nhân công
- Chi phí về khấu hao tài sản cố định
- Chi phí khác bằng tiền

1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm

Xuất phát từ mục đích sản xuất và nguyên tắc kinh doanh trong nền kinh tế thị trường thì mọi sản phẩm khi được tạo ra luôn được các doanh nghiệp quan tâm đến hiệu quả do sản phẩm đó mang lại. Để sản xuất và tiêu thụ một sản phẩm doanh nghiệp phải tiêu tốn hết bao nhiêu chi phí, các loại chi phí và tỷ trọng của từng loại chi phí, khả năng để hạ thấp các loại chi phí này. Chỉ tiêu thỏa mãn được những thông tin mang nội dung trên chính là giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm được xác định bao gồm những chi phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí khác được dùng để sản xuất hoàn thành cho một khối lượng sản phẩm, lao vụ nhất định. Bản chất của giá thành là biểu hiện bằng tiền của chi phí sản xuất chế tạo sản phẩm cấu thành trong những sản phẩm đã tiến hành.

Từ những nội dung ở trên giá thành sản phẩm chính là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản-vật tư-tiền vốn, các quyết định giải pháp quản lý áp dụng trong doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm vì mục đích tăng thu nhập đạt lợi nhuận tối đa.

1.2.2 Chức năng của giá thành sản phẩm

- **Chức năng thước đo bù đắp chi phí:** Giá thành sản phẩm biểu hiện những hao phí vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để sản xuất tiêu thụ sản phẩm. Những hao phí này cần được bù đắp một cách đầy đủ, kịp thời để đảm bảo yêu cầu tái sản xuất. Như vậy, việc đi tìm căn cứ để xác minh mức bù đắp những gì mà mình đã bỏ ra để tạo sản phẩm và thực hiện được giá trị của sản phẩm là yêu cầu khách quan trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua chỉ tiêu giá thành được xác định một cách chính xác các doanh nghiệp sẽ đảm bảo được khả năng bù đắp theo yêu cầu kinh doanh.

- **Chức năng lập giá:** Giá cả sản phẩm được xây dựng trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, biểu hiện mặt giá trị sản phẩm. Khi xây dựng giá cả thì yêu cầu đầu tiên là giá cả phải có khả năng bù đắp hao phí vật chất trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm cho các doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất bình thường có thể bù đắp được hao phí để thực hiện quá trình tái sản xuất. Để bù đắp

hao phí vật chất thì khi xây dựng giá phải căn cứ vào giá thành sản phẩm. Những hao phí làm căn cứ lập giá phải được xã hội chấp nhận, loại bỏ những hao phí bất hợp lý.

Việc đưa ra các định mức hao phí trong giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất tích cực khi sử dụng giá thành làm căn cứ lập giá.

- **Chức năng đòn bẩy kinh tế:** Lợi nhuận của doanh nghiệp cao hay thấp phụ thuộc trực tiếp vào giá thành sản phẩm. Hạ thấp giá thành sản phẩm là biện pháp cơ bản để tăng cường lợi nhuận, tạo nên tích lũy để tái sản xuất mở rộng. Cùng với các phạm trù kinh tế như giá cả, lãi, chất lượng, ... giá thành sản phẩm thực tế đã trở thành đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường hiệu quả kinh doanh và phù hợp nguyên tắc hạch toán kinh tế của doanh nghiệp. Chức năng đòn bẩy kinh tế của giá thành còn thể hiện rõ nét và tích cực trong nội bộ đơn vị khi thực hiện hạch toán nội bộ.

Khi vận dụng chức năng đòn bẩy kinh tế của giá thành cần làm rõ từng yếu tố chi phí, từng loại giá thành. Do vậy khi đánh giá tính chất đòn bẩy kinh tế của giá thành cần gắn theo từng loại giá thành, từng yếu tố chi phí so với tổng thể của nó.

1.3 Phân loại chi phí sản xuất

Để hiểu biết và tính toán đầy đủ các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tạo điều kiện theo dõi, tập hợp các chi phí chính xác trên cơ sở đó đánh giá đúng hiện trạng hoạt động của doanh nghiệp, chi phí sản xuất được phân loại trên các tiêu thức sau:

1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí.

Cách phân loại này căn cứ vào tính chất nội dung của chi phí và không phân biệt chi phí thuộc chức năng kinh doanh nào nhằm cung cấp thông tin để dự toán nhu cầu vốn lưu động và lập báo cáo chi phí theo các yếu tố của báo cáo tài chính:

Với cách phân loại này chi phí được chia thành 5 loại:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, phải trả khác cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Giá trị hao mòn tài sản cố định sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm tiền điện, nước, điện thoại, thuê mặt bằng... sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí khác bằng tiền: Là các khoản chi phí ngoài các chi phí ở trên như chi phí tiếp khách, ...

1.3.2 Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí trong quá trình sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí có tác dụng tích cực cho việc phân tích giá thành so với định mức và đề ra các biện pháp hạ giá thành.

Nội dung các chi phí bao gồm 3 khoản mục sau:

- **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** Bao gồm các chi phí về nguyên vật liệu chính phụ, nhiên liệu, tham gia trực tiếp và cấu thành lên hình thái vật chất sản phẩm.
- **Chi phí nhân công trực tiếp:** Bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.
- **Chi phí sản xuất chung:** Chi phí sản xuất khác ngoài 2 loại trên (chi phí vật liệu gián tiếp, công cụ dụng cụ, tiền lương nhân viên quản lý sản xuất, khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất...).

1.3.3 Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động.

Cách phân loại này căn cứ vào mối quan hệ của sự biến đổi chi phí và sự biến đổi của mức hoạt động.

Theo cách phân loại này chi phí có 3 loại: Biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

- **Biến phí (chi phí biến đổi):** là chi phí thay đổi cùng với thay đổi của khối lượng hoạt động theo một tỷ lệ thuận. Khi khối lượng tăng, làm cho biến

phí tăng theo và ngược lại, khi khối lượng hoạt động giảm, làm giảm biến phí. Ví dụ: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp,....

- **Định phí (chi phí cố định):** là chi phí không thay đổi về tổng số khi mức độ hoạt động thay đổi trong một phạm vi. Xét cho một sản phẩm định phí có quan hệ tỷ lệ nghịch với khối lượng hoạt động. Ví dụ: Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý doanh nghiệp, ..
- **Chi phí hỗn hợp:** là chi phí bao gồm cả hai yếu tố biến phí và định phí. Ở mức độ hoạt động căn bản, chi phí hỗn hợp thường thể hiện đặc điểm của định phí, ở mức độ hoạt động vượt mức căn bản thì nó thể hiện đặc điểm của biến phí.

Cách phân loại này cung cấp thông tin để hoạch định và kiểm soát chi phí, thường áp dụng nhiều cho công tác quản trị doanh nghiệp trong việc nghiên cứu quan hệ chi phí-khối lượng – lợi nhuận, phân tích điểm hòa vốn để ra các quyết định kinh doanh. Cung cấp thông tin để kiểm soát hiệu quả kinh doanh – lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo dạng số dư đảm phí.

1.4 .Phân loại giá thành sản phẩm

Xuất phát từ thực tế sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp phân loại giá thành để thuận tiện cho việc tính toán, phân tích giá thành và cung cấp các thông tin về chi phí nhằm hạch toán chính xác về sự biến động của các khoản mục chi phí.

1.4.1. Phân loại theo thời điểm xác định giá thành

Theo cách phân loại này giá thành có 3 loại.

- **Giá thành sản xuất định mức:** là giá thành được tính trước khi sản xuất cho một đơn vị sản phẩm, theo chi phí sản xuất định mức.
- **Giá thành sản xuất kế hoạch:** là giá thành được tính trước khi sản xuất cho tổng số sản phẩm sản xuất kế hoạch, theo chi phí sản xuất định mức.
- **Giá thành sản xuất thực tế:** là giá thành được tính sau khi sản xuất hoàn thành, theo chi phí sản xuất thực tế.

1.4.2 Phân loại theo nội dung cấu thành giá thành

Gồm có giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

- **Giá thành sản xuất:** là toàn bộ chi phí sản xuất liên quan đến khối lượng thành phẩm hoàn thành trong quá trình sản xuất. Giá thành sản xuất gồm

3 khoản mục: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

- **Giá thành toàn bộ:** là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến khối lượng sản phẩm hoàn thành từ khi sản xuất đến khi tiêu thụ sản phẩm, nghĩa là chi phí phát sinh trong sản xuất và chi phí ngoài sản phẩm.

1.5 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.

1.5.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất thực tế phát sinh thường dựa vào địa bàn sản xuất. Tính chất quy trình công nghệ, loại hình sản xuất, đặc điểm sản phẩm.

Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất nhằm giới hạn địa điểm phát sinh chi phí cần được tập hợp để phục vụ quản lý chi phí sản xuất và xác định giá thành sản phẩm. Đối tượng hạch toán là phân xưởng, đội tổ sản xuất, từng giai đoạn nhất định của quy trình công nghệ từng sản phẩm hoặc từng chi tiết sản phẩm. Gồm các chi phí: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

1.5.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính Z

Đối tượng tính giá thành sản phẩm là khối lượng sản phẩm dịch vụ lao vụ hoàn thành nhất định mà doanh nghiệp cần phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Xác định đối tượng tính giá thành chính là xác định phạm vi giới hạn cần tổng hợp, phải dựa trên đặc điểm sản xuất, yêu cầu tổ chức, quản lý, trình độ và phương tiện kế toán, ... Đối tượng tính giá thành là những sản phẩm, chi phí sản phẩm là lao vụ mà các chi phí sản xuất được tập hợp và phân bổ vào đó.

Kỳ tính giá thành sản phẩm là khoảng thời gian cần thiết để doanh nghiệp tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất và tính tổng giá thành đơn vị sản phẩm. Kỳ tính giá thành là kỳ tính theo tháng, quý, năm, theo thời vụ, theo đơn đặt hàng.

1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất

1.6.1 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Về cơ bản, phương pháp hạch toán chi phí bao gồm các phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ, theo phân xưởng, theo nhóm sản phẩm,... Về thực chất, khi vận dụng các phương pháp hạch toán chi phí sản xuất trong công tác kế toán hàng ngày chính là việc kế toán mở các thẻ (hoặc sổ) chi tiết hạch toán chi phí sản xuất theo từng đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí phát sinh có liên quan đến đối tượng, hàng tháng tổng hợp chi phí theo từng đối tượng.

1.6.2 Trình tự hạch toán chi phí sản xuất

Bước 1: Tập hợp các yếu tố chi phí đầu vào chi phí nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ, chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm và chi phí sản xuất chung có liên quan đến đối tượng tính giá.

Bước 2: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tính giá có liên quan

Bước 3: Tổng hợp chi phí sản xuất, xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

Bước 4: Tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

1.7 Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là cách thức để kế toán tính được tổng giá thành và giá thành đơn vị cho sản phẩm lao vụ hoàn thành.

1.7.1 Phương pháp giản đơn

Phương pháp này thường áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn và khép kín. Đặc điểm của các doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn là chỉ sản xuất một hoặc một số ít mặt hàng với số lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, có thể có hoặc không có sản phẩm dở dang.

Công thức tính:

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm sản} \\ \text{xuất trong kỳ} &= \text{Chi phí sản} \\ &\quad \text{xuất dở dang} \\ &\quad \text{đầu kỳ} + \text{Chi phí sản} \\ &\quad \text{xuất} \\ &\quad \text{phát sinh} - \text{Chi phí sản} \\ &\quad \text{trong kỳ} \quad \text{xuất dở} \\ &\quad \text{cuối kỳ} \\ \text{Giá thành đơn vị sản phẩm} &= \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}} \end{aligned}$$

Theo phương pháp này đối tượng tập hợp chi phí có thể là sản phẩm, phân xưởng sản xuất. Đối tượng tính giá thành là sản phẩm, với kỳ tính giá thành có thể tháng, quý hoặc năm.

1.7.2. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

Áp dụng trong trường hợp cùng một quy trình sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính vừa cho sản phẩm phụ. Do vậy để tính được giá thành của sản phẩm chính cần phải loại trừ trị giá sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí. Nếu giá trị sản phẩm phụ nhỏ thì tính toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để loại trừ bằng cách xác định tỷ lệ sản phẩm phụ so với giá thành sản phẩm chính và phụ theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ sản phẩm phụ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm phụ}}{\text{Giá thành sản phẩm chính và sản phẩm phụ}}$$

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng giá} & & \text{Chi phí} & \text{Chi phí} & \text{Chi phí} & \text{Giá trị} \\ \text{thành thực} & & \text{sản xuất} & \text{sản xuất} & \text{sản xuất} & \text{ước tính} \\ \text{tế sản phẩm} & =+- & \text{dở dang} & \text{phát} & \text{dở dang} & \text{sản phẩm} \\ \text{chính} & & \text{đầu kỳ} & \text{sinh} & \text{cuối kỳ} & \text{phụ} \end{array}$$

Đối tượng tập hợp chi phí là quy trình công nghệ, đối tượng tính giá thành là sản phẩm chính với kỳ tính giá thành có thể tháng, quý hoặc năm.

1.7.3. Phương pháp hệ số

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp cùng một quy trình sản xuất tạo ra đồng thời nhiều loại sản phẩm chính và không tổ chức theo dõi chi tiết theo từng loại sản phẩm.

Đối tượng tập hợp chi phí là nhóm sản phẩm, phân xưởng... đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành nhập kho với kỳ tính giá thành có thể tháng, quý hoặc năm. Để xác định giá thành cho từng loại sản phẩm chính cần

phải quy đổi các sản phẩm chính khác nhau về một loại sản phẩm duy nhất gọi là sản phẩm chuẩn theo hệ số quy đổi xây dựng sẵn.

Công thức :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{thành thực} & = & \text{dở dang đầu kỳ} & + & \text{phát sinh trong} & - & \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{tế nhóm sản} & & \text{của nhóm sản} & & \text{kỳ của nhóm sản} & & \text{của nhóm sản} \\ \text{phẩm} & & \text{phẩm} & & \text{phẩm} & & \text{phẩm} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng số sản phẩm} & = & \text{Số lượng hoàn} \\ \text{chuẩn} & & \text{thành trong kỳ} \end{array} \quad \times \quad \text{Hệ số quy đổi}$$

$$\begin{array}{c} \text{Giá thành} \\ \text{đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \frac{\text{thành các loại sản phẩm chính hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng số sản phẩm chuẩn}}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá đơn vị của từng} & = & \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{loại sản phẩm} & & \text{sản phẩm chuẩn} \end{array} \quad \times \quad \text{Hệ số quy đổi sản phẩm}$$

1.7.4 Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng trong điều kiện sản xuất tương tự như đã nêu ở phương pháp hệ số nhưng giữa các loại sản phẩm chính lại không xác lập một hệ số quy đổi.

Để xác định tỷ lệ có thể sử dụng nhiều tiêu thức khác nhau như giá thành kế hoạch, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, trọng lượng sản phẩm... Thông thường có thể sử dụng giá thành kế hoạch

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{thành thực} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{xuất phát sinh} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{tế nhóm} & & \text{đầu kỳ của} & & \text{trong kỳ của} & & \text{cuối kỳ của} \\ \text{sản phẩm} & & \text{nhóm sản} & & \text{nhóm sản} & & \text{nhóm sản phẩm} \\ & & \text{phẩm} & & \text{phẩm} & & \end{array}$$

$$\text{Tỷ lệ giá thành từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch}}$$

$$\text{Giá thành thực tế của từng loại sản phẩm} = \text{Giá thành kế hoạch của từng loại sản phẩm} \times \text{Tỷ lệ giá thành}$$

1.7.5. Phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp đơn đặt hàng tính giá thành trong điều kiện doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt nhỏ theo đơn hàng của người mua. Đặc điểm phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức kế toán chi phí phải được chi tiết hóa theo từng đơn đặt hàng. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào đơn đặt hàng có liên quan, riêng chi phí phục vụ và quản lý sản xuất ở phần xưởng do liên quan đến nhiều đơn đặt hàng nên tổ chức theo dõi theo phân xưởng và cuối tháng mới tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phân bổ phù hợp.

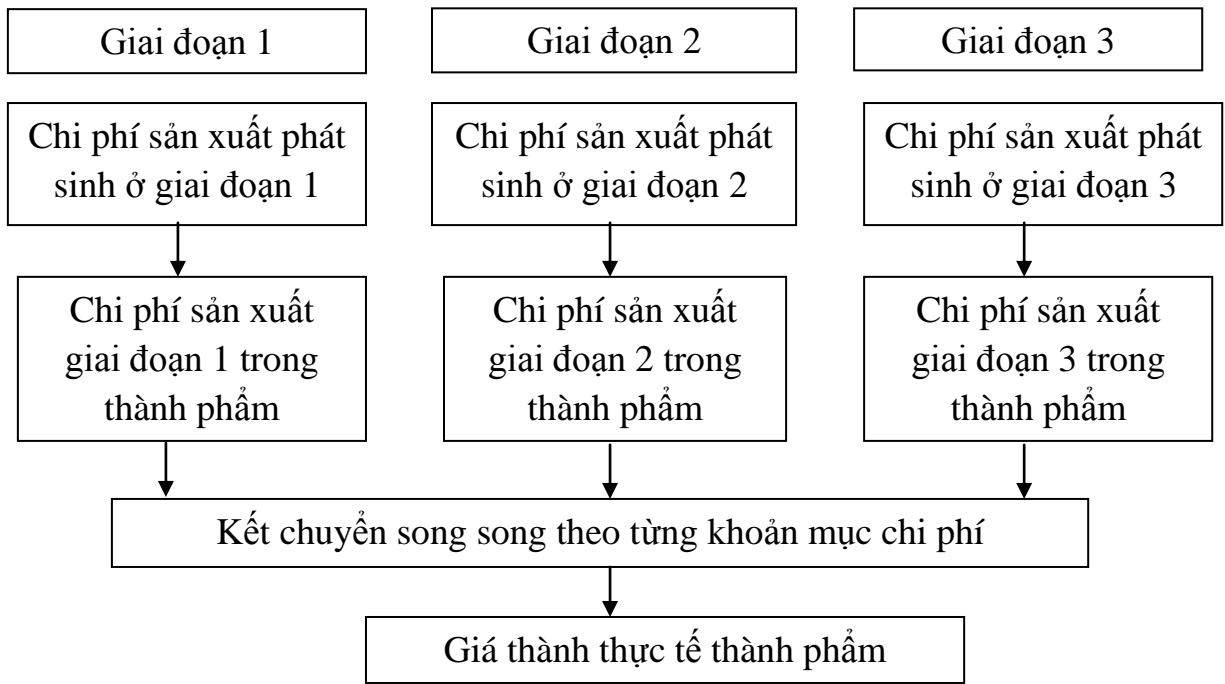
Nếu có đơn đặt hàng nào đó mà cuối tháng vẫn chưa thực hiện xong thì việc tổng hợp chi phí của đơn đặt hàng đến cuối tháng đó chính là chi phí sản xuất dở dang của đơn hàng.

Công thức tính:

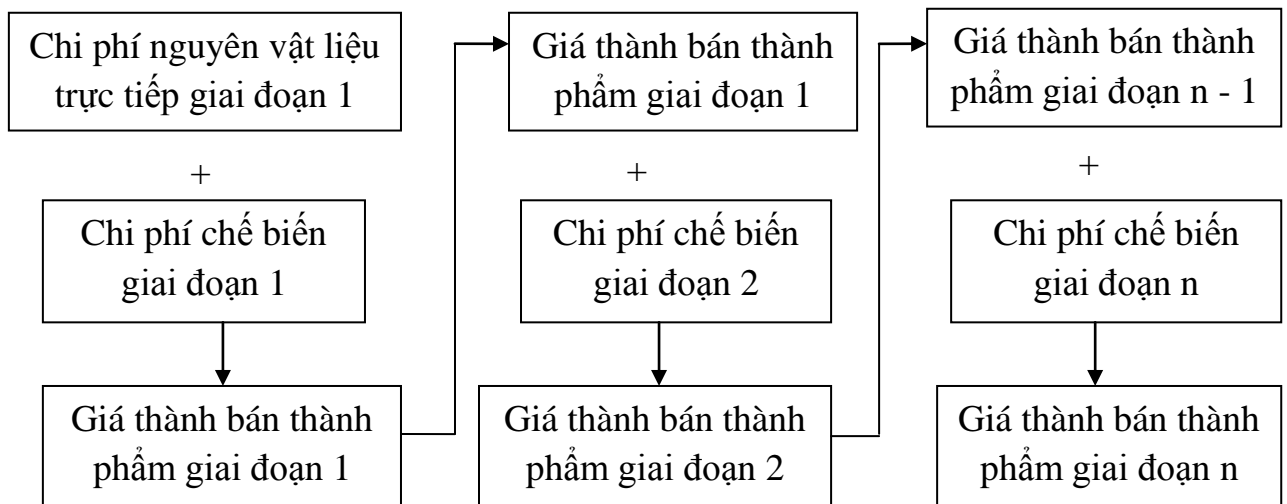
$$\text{Tổng giá thành thực tế đơn hàng} = \text{Tổng chi phí sản xuất thực tế tập hợp theo đơn đặt hàng}$$

1.7.6. Phương pháp phân bước

Phương pháp phân bước áp dụng cho những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm theo quy trình phức tạp, quá trình chế biến trải qua nhiều giai đoạn công nghệ theo một thứ tự nhất định để có được sản phẩm hoàn thành. Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phải được tổ chức chi tiết theo từng giai đoạn công nghệ hoặc theo từng phân xưởng sản xuất riêng biệt tham gia vào quy trình tạo nên sản phẩm hoàn thành.



Phương pháp phân bước áp dụng trong các giai đoạn tạo ra bán thành phẩm và bán thành phẩm giai đoạn này được chuyển tiếp giai đoạn sau để tiếp tục chế biến. Do việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn này vào giai đoạn công nghệ cuối cùng để xác định giá thành sản phẩm hoàn thành nên phương pháp phân bước trong trường hợp này còn gọi là phương pháp kết chuyển tuần tự.



1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang

Đánh giá sản phẩm dở dang là công việc cần phải thực hiện trước khi xác định giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan đến cả sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang.

Việc đánh giá một cách hợp lý chi phí sản xuất liên quan đến sản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chính xác giá thành sản phẩm trong một kỳ kế toán.

Để đánh giá sản phẩm dở dang sử dụng các phương pháp sau:

1.8.1 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc chi phí nguyên vật chính)

Theo phương pháp này là chỉ tính cho sản phẩm dở dang khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính, còn chi phí chế biến được tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Đồng thời coi mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc nguyên vật liệu chính dùng cho đơn vị sản phẩm hoàn thành và đơn vị sản phẩm dở dang là như nhau.

Công thức xác định sản phẩm dở dang cuối kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí sản phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ} + \text{Chi phí nguyên} \\ \text{vật liệu phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm hoàn} \\ \text{thành} + \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ chính là số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .

1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo ước lượng sản lượng hoàn thành tương đương

Phương pháp này dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành. Chi phí sản xuất tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ bao gồm đầy đủ các khoản mục chi phí trong cấu thành của chi phí sản xuất. Để đảm bảo tính chính xác của việc đánh giá, phương pháp này chỉ nên áp dụng để ính các chi phí chế biến, còn các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phải xác định theo số thực tế đã dùng.

Sản phẩm dở dang theo phương pháp này là chi phí vật liệu trực tiếp và chi phí chế biến (bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung).

- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quá trình sản xuất:

$$\text{Chi phí nguyên vật liệu trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí nguyên vật liệu dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí nguyên vật liệu phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- Đối với chi phí chế biến bỏ dần vào quá trình sản xuất thường là chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\text{Chi phí chế biến trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}} \times \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương} = \text{Số lượng dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

1.8.3 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo giá thành định mức

Căn cứ vào mức tiêu hao (hoặc chi phí kế hoạch) cho các khâu, các bước, các công việc trong quá trình chế tạo sản phẩm để xác định giá trị sản phẩm dở dang. Các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào định mức tiêu hao của những công đoạn đã thực hiện và tỷ lệ hoàn thành.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành} \times \text{Định mức chi phí sản xuất}$$

1.8.4 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50 % chi phí chế biến

Để đơn giản cho việc tính toán, đối với những loại sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ trọng thấp trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất đây là một dạng của phương pháp ước tính theo sản lượng tương đương, trong đó giả định sản phẩm dở dang hoàn thành ở mức độ 50%.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang} = \text{Giá trị nguyên vật liệu trực tiếp trong sản phẩm dở dang} + 50\% \text{ chi phí chế biến so với thành phẩm}$$

1.9 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.9.1 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.9.1.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm các chi phí về nguyên vật liệu chính phụ, nhiên liệu, trực tiếp và cấu thành nên hình thái vật chất sản phẩm.

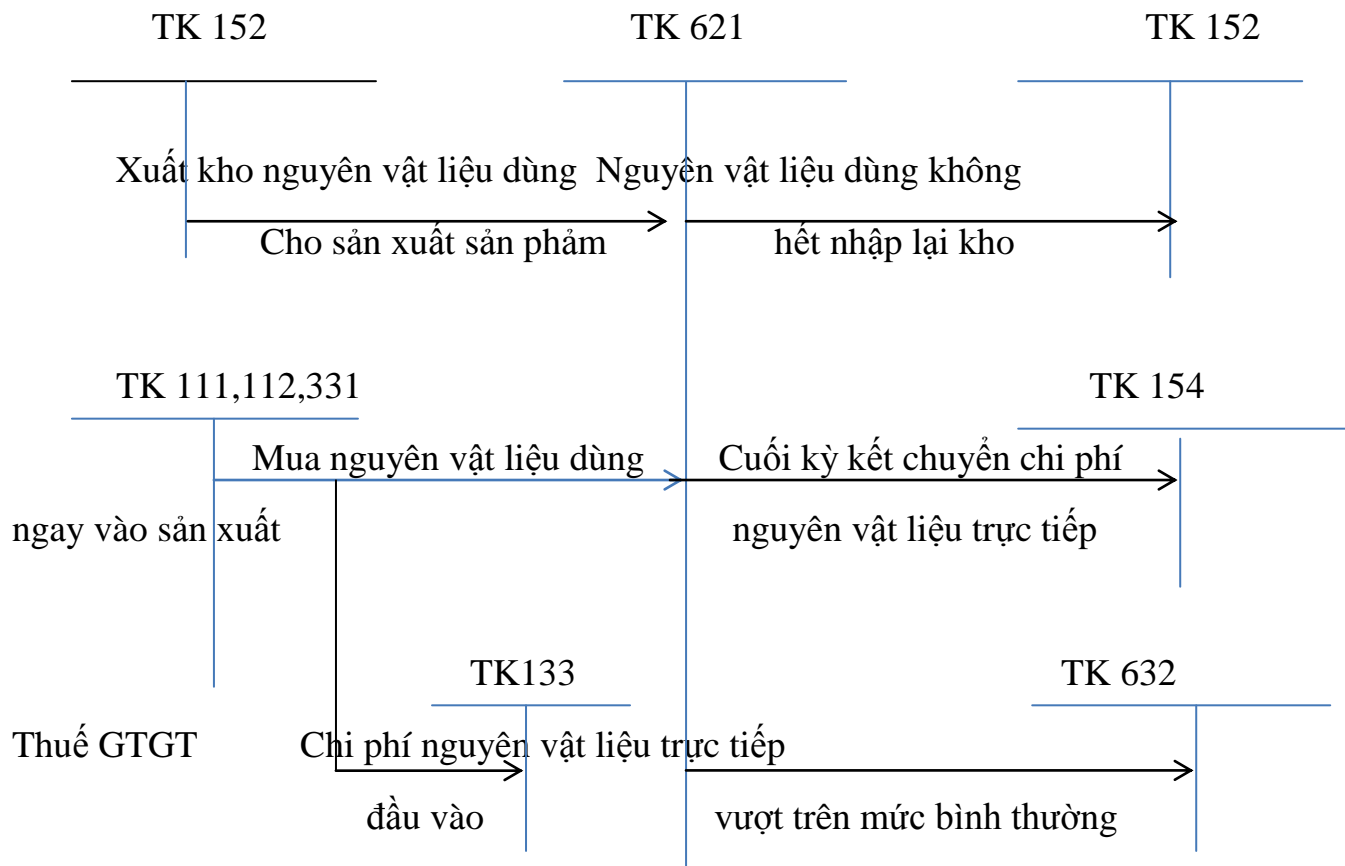
Để theo dõi tài khoản nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 621 "Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp".

Kết cấu tài khoản:

- Bên nợ: Tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh
- Bên có: Giá trị nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho.
Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Tài khoản 621 không có số dư cuối kỳ.

*Trình tự kế toán phát sinh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 1: Kế toán tổng hợp “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”



1.9.1.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương: vBảo hiểm y tế, v bảo hiểm xã hội, v bảo hiểm thất nghiệp, v kinh phí công đoàn phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Để theo dõi tài khoản chi phí nhân công trực tiếp trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 622”*Chi phí nhân công trực tiếp*”.

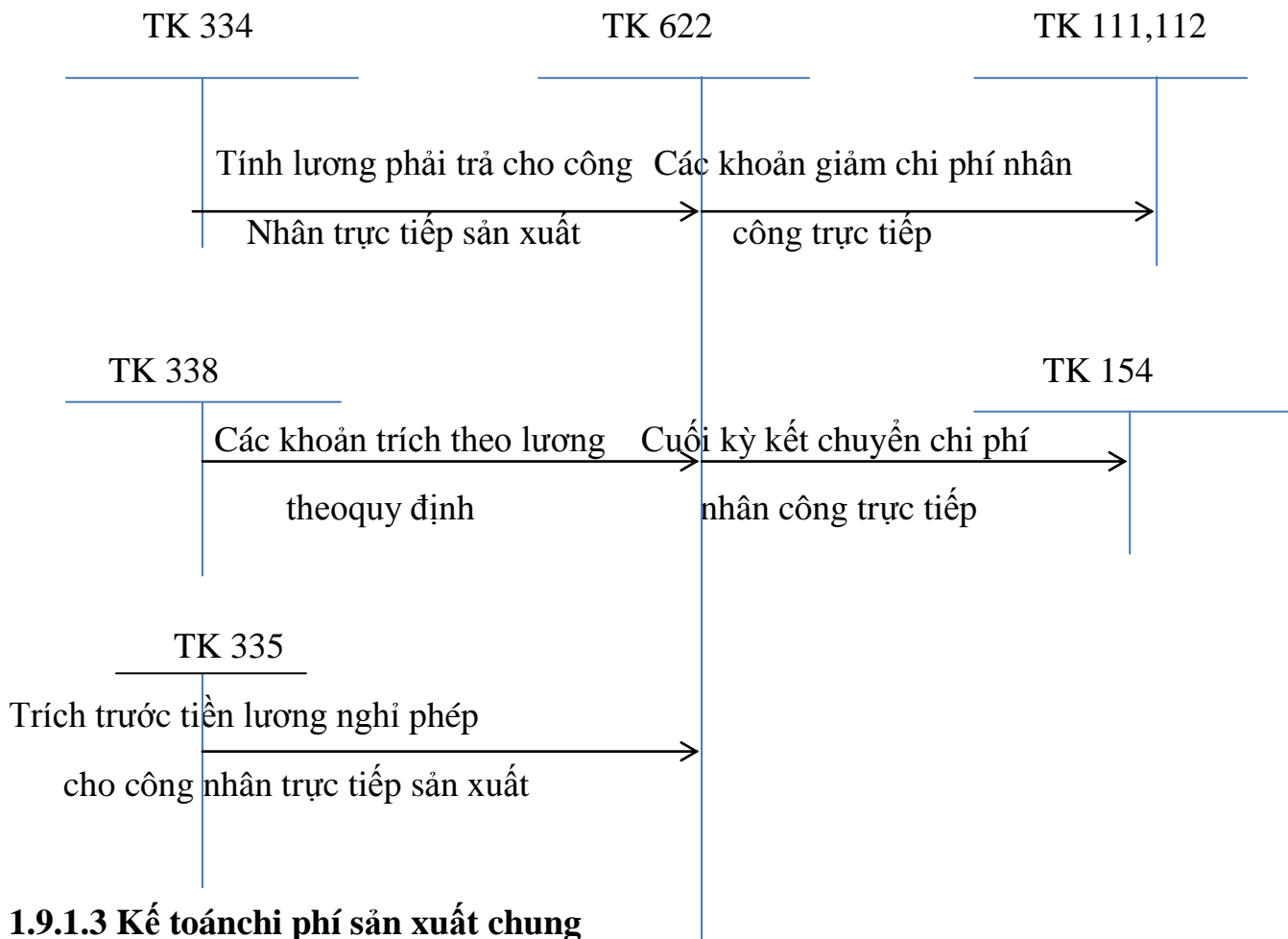
Bên nợ: Số chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ

Bên có: Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản 622 không có số dư cuối kỳ

*Trình tự kế toán phát sinh chi phí nhân công trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 2: Kế toán tổng hợp “Chi phí nhân công trực tiếp”



1.9.1.3 Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, quản lý thực hiện và phục vụ sản xuất ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất, ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp như: Tiền lương, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng, khấu hao tài sản cố định đang dùng tại phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền ngoài những chi phí kể trên.

Để theo dõi tài khoản chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng tài khoản 627 "Chi phí sản xuất chung".

- Bên nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ
- Bên có: Kết chuyển chi phí sản xuất chung
- Tài khoản 627 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 627 được chia thành 6 tài khoản cấp 2:

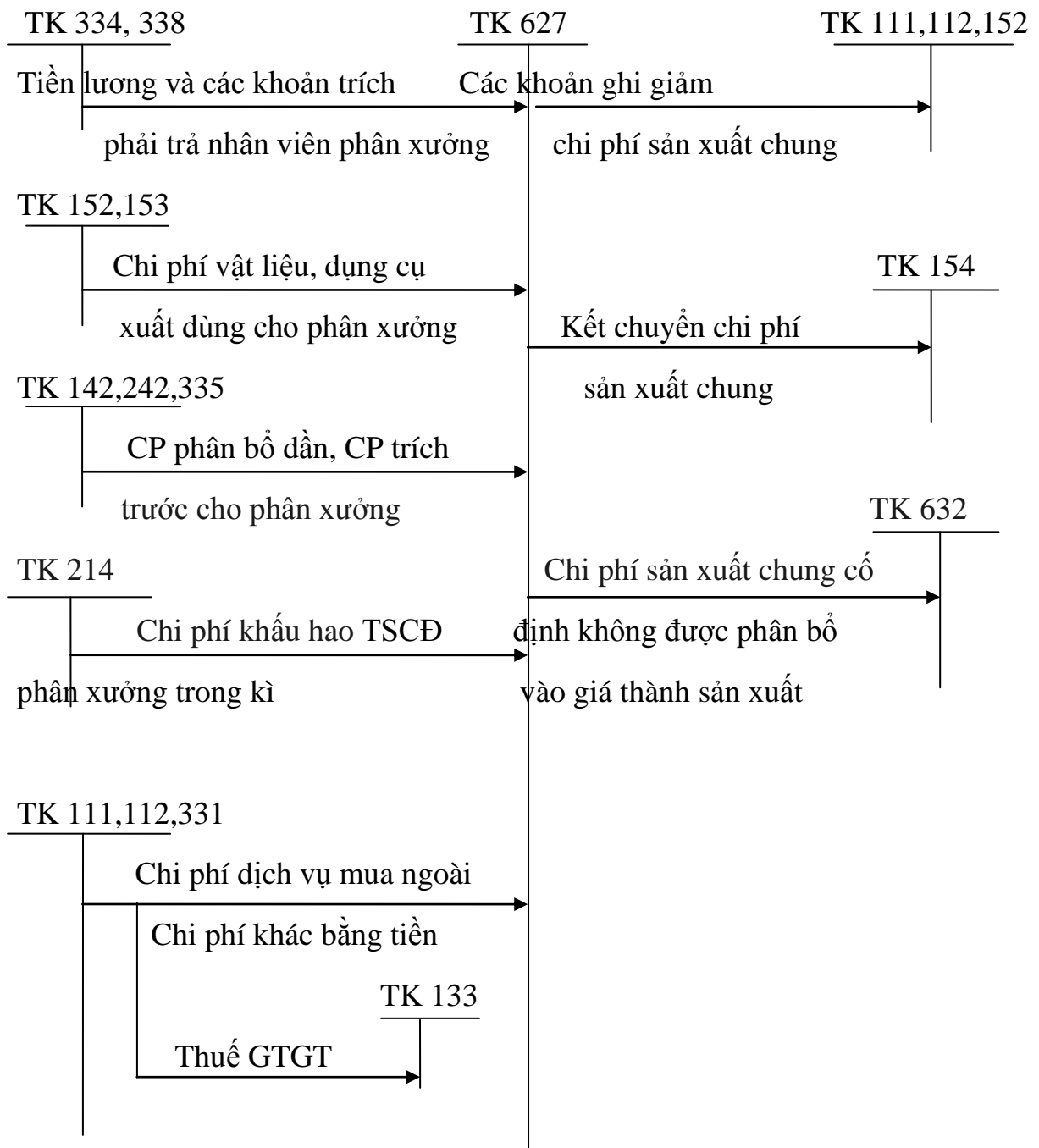
- TK 6271: “Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng”
- TK 6272: “ Chi phí vật liệu xuất dùng tại phân xưởng”
- TK 6273: “Chi phí công cụ,dụng cụ xuất dùng tại phân xưởng”
- TK 6274: “Chi phí khấu hao tài sản cố định tại phân xưởng”
- TK 6277:” Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6278:”Chi phí khác bằng tiền”

Chi phí sản xuất chung được mở chi tiết theo từng phân xưởng,bộ phận sản xuất và chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ ở phân xưởng,bộ phận sản xuất nào sẽ được phân bổ cho các đối tượng mà phân xưởng, bộ phận sản xuất đó có tham gia sản xuất.Đối với trường hợp phân xưởng sản xuất nhiều loại sản phẩm mà chi phí sản xuất chung không thể tập hợp riêng cho từng loại sản phẩm nên phải phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức phù hợp (giờ công sản xuất,tiền lương,...) được tính theo công thức:

$$\text{Chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng sản phẩm} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ cho tất cả sản phẩm}} \times \text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}$$

*Trình tự kế toán phát sinh chi phí sản chung được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 3: Kế toán tổng hợp “Chi phí sản xuất chung”



1.9.1.4 Tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm

Các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ được tập hợp lại để tính giá thành sản phẩm .

Kế toán sử dụng tài khoản 154 ” Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tập hợp chi phí.

Bên nợ: - Tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ

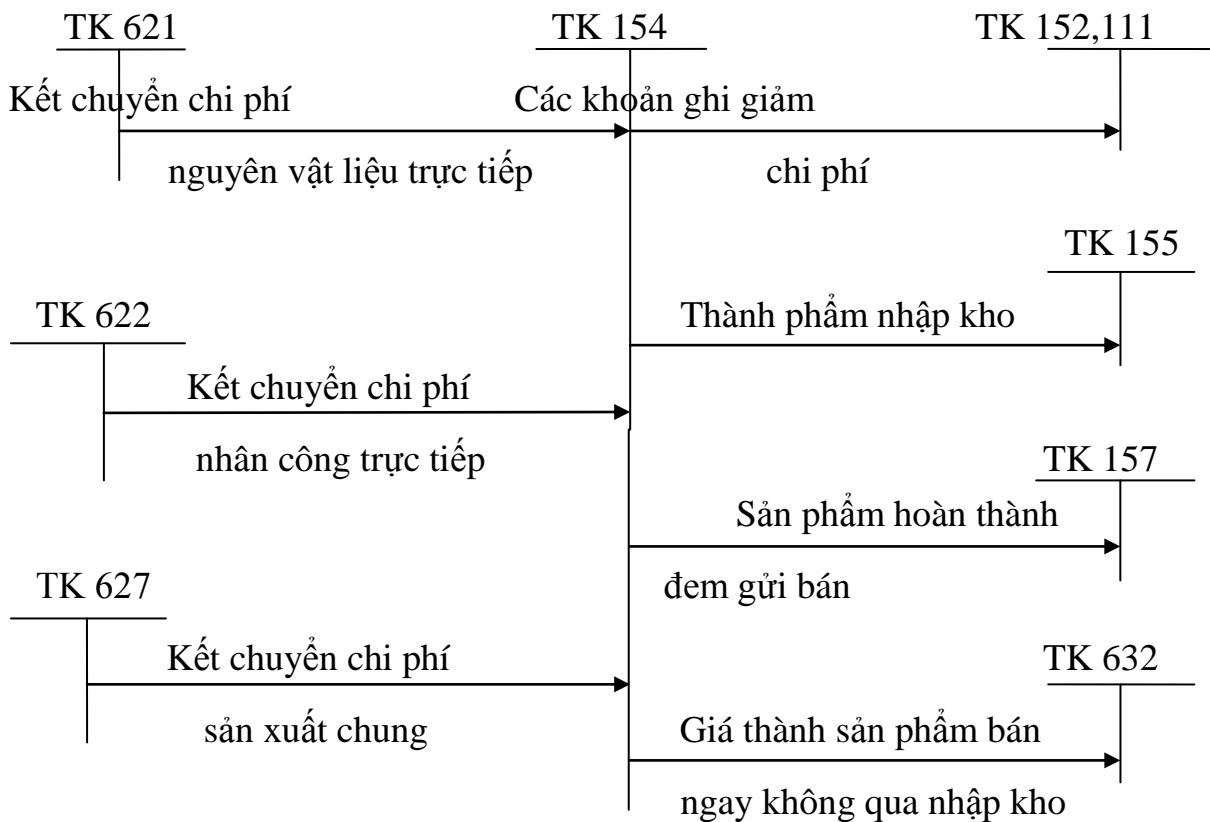
Bên có:- Các khoản giảm chi phí (giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được...)

- Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành

Số dư bên nợ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

*Trình tự kế toán tập hợp chi phí được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 4: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.9.2 Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, hàng tồn kho không được ghi sổ liên tục mà đến cuối kỳ doanh nghiệp mới tiến hành kiểm kê tất cả các loại nguyên vật liệu, thành phẩm trong kho và tại các phân xưởng để xác định chi phí của sản phẩm hoàn thành.

Trình tự và nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Đối với chi phí này khi mua nguyên vật liệu xuất dùng sử dụng tài khoản 611 "Mua hàng".

Trình tự và nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung giống với phương pháp kê khai thường xuyên.

Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang kế toán sử dụng tài khoản 631 - Giá thành sản xuất, để tập hợp kết chuyển chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 631 "Giá thành sản xuất"

Bên nợ: - Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ

- Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

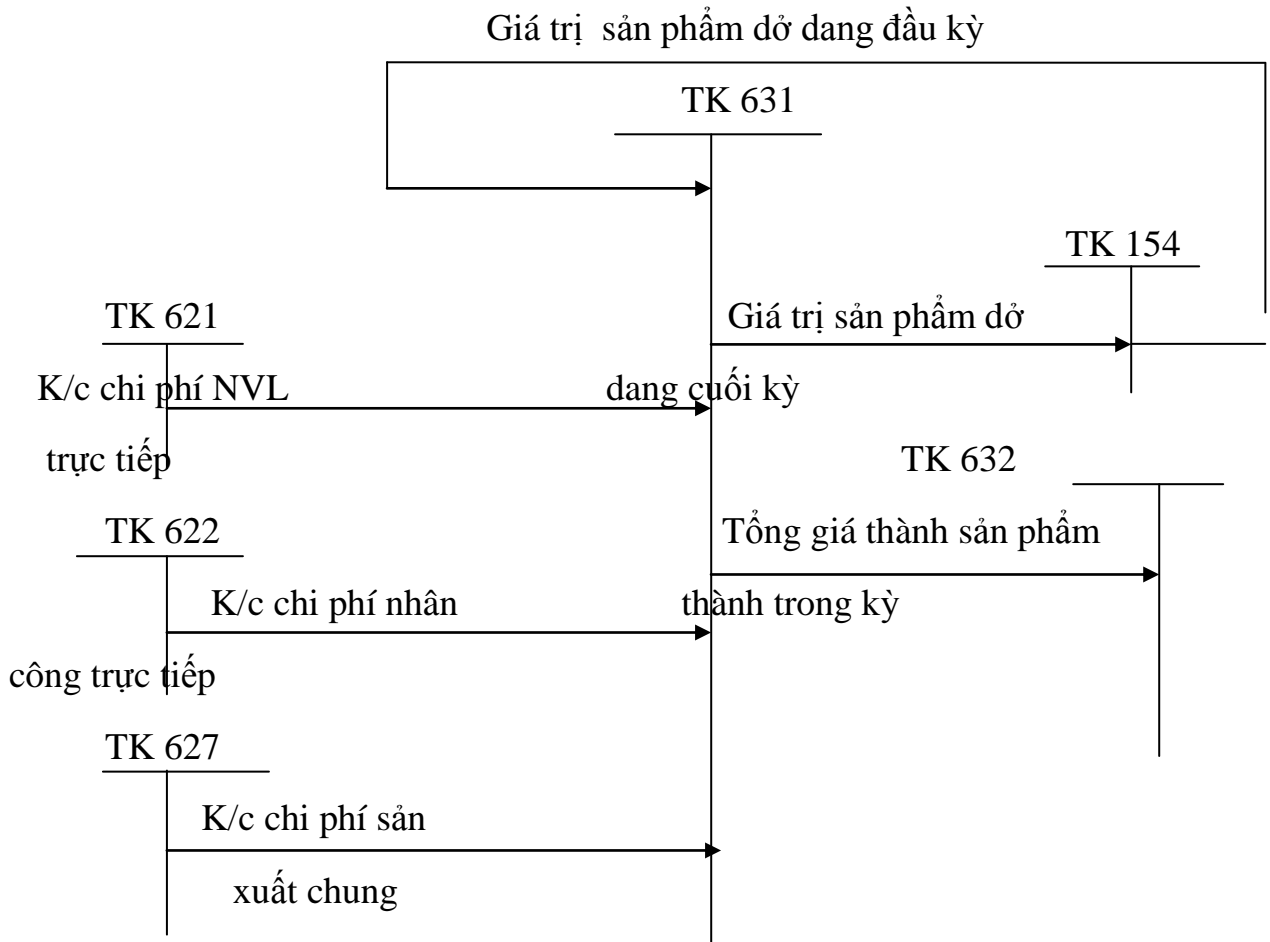
Bên có: - Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Giá thành sản xuất sản phẩm

TK 631 Không có số dư cuối kỳ.

*Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.10 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất

1.10.1 Chi phí sản xuất và sửa chữa sản phẩm hỏng

Trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất xong có những sai phạm về mặt kỹ thuật liên quan đến chất lượng mẫu mã, quy cách. Nguyên nhân là do tình trạng máy móc kỹ thuật kém hoặc do trình độ tay nghề của công nhân còn hạn chế, điều kiện tự nhiên,... Những sản phẩm hỏng này gây thiệt hại không nhỏ tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

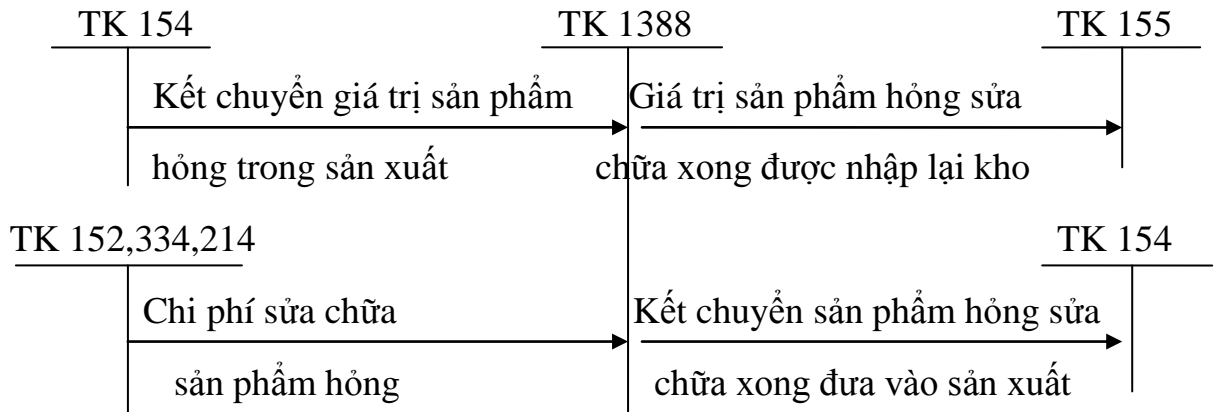
Sản phẩm hỏng được chia làm hai loại sản phẩm hỏng sửa chữa được và sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được.

** Đối với sản phẩm hỏng sửa chữa được*

Sản phẩm hỏng sửa chữa được là những bị hỏng nhưng về kỹ thuật có thể sửa chữa được và khi sửa chữa phải có lợi thế về kinh tế.

Nội dung hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 6: Hạch toán sản phẩm hỏng sửa chữa được

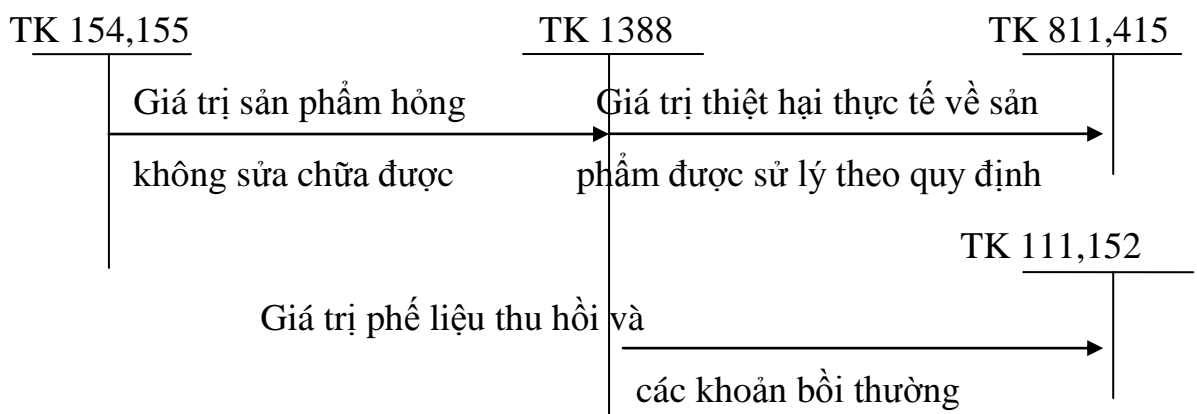


** Đối với sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được*

Sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được là những sản phẩm bị hỏng nhưng về kỹ thuật không thể sửa chữa được, hoặc sửa chữa nhưng không có lợi thế về kinh tế.

Nội dung hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 7: Hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được



1.10.2 Kế toán thiệt hại ngừng sản xuất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể xảy ra những khoảng thời gian ngừng sản xuất như hiện tượng do các nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (thiên tai, thiếu nguyên vật liệu...) làm quá trình sản xuất bị gián đoạn. Trong thời gian đó, doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra các chi phí: tiền công của người lao động, khấu hao tài sản cố định, phí phí bảo dưỡng... Những chi phí này gọi là thiệt hại về ngừng sản xuất

Đối với ngừng sản xuất trong kế hoạch:

- Trích trước chi phí ngừng sản xuất
Nợ TK 627,642:Chi phí sản xuất chung,chi phí quản lý doanh nghiệp
Có TK 335:Chi phí phải trả
- Chi phí thực tế phát sinh khi ngừng sản xuất
Nợ TK 335:Chi phí phải trả
Có TK 152,334,111:Tính vào nguyên vật liệu,lương,tiền mặt

Nếu số trích trước > số thực tế thì kế toán ghi:

Nợ TK 335

Có TK 622,627

Nếu số trích trước < số thực tế thì kế toán ghi:

Nợ TK 622,627

Có TK 335

❖ Đối với ngừng sản xuất ngoài kế hoạch:

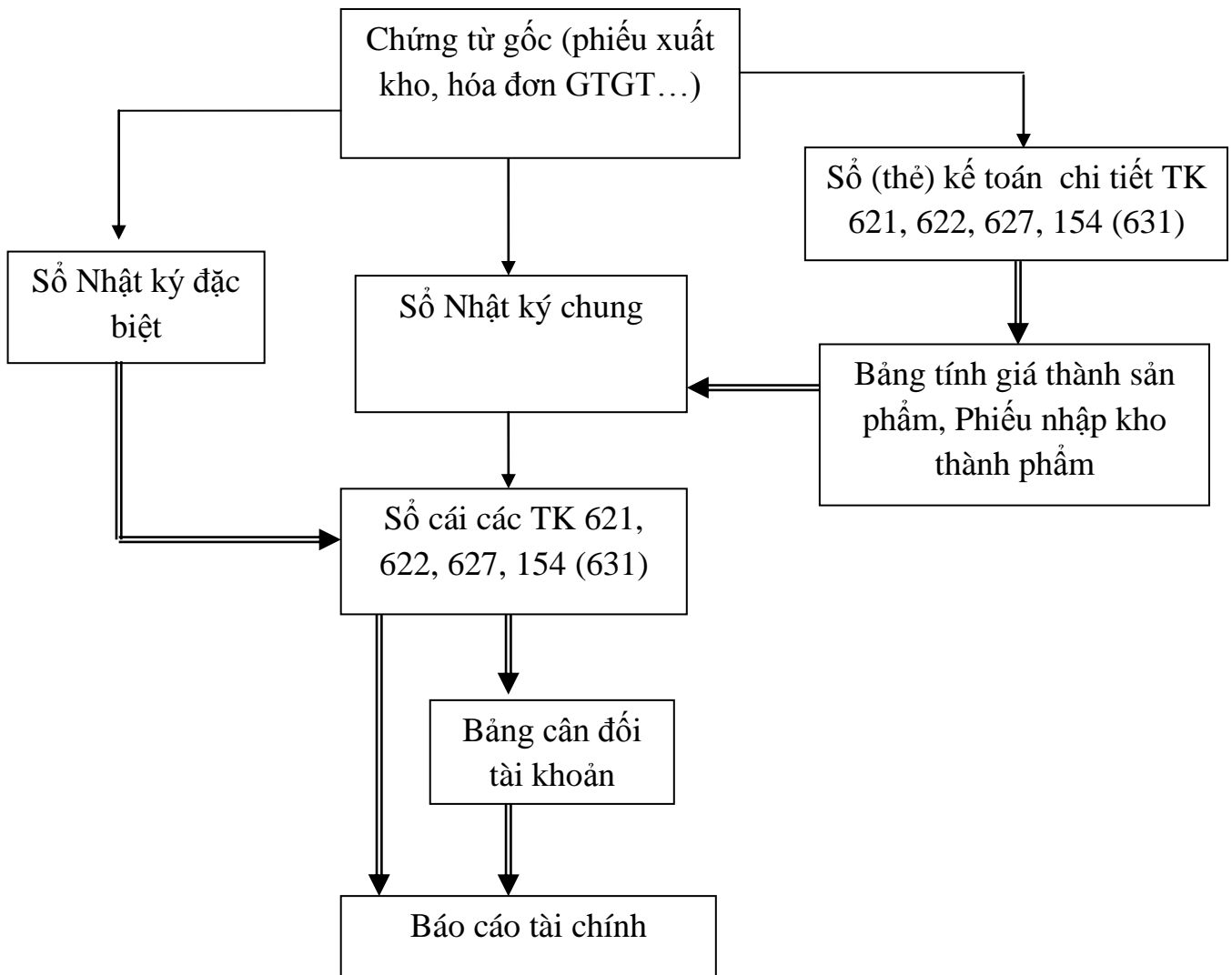
- Các khoản chi phí phát sinh ghi vào chi phí khác
Nợ TK 811:
Có TK 334,338,152,153:Trừ vào lương người lao động,chi phí vật liệu,...
- Khoản thu do bồi thường ghi vào thu nhập khác:
Nợ TK 111,112,1388:Tiền mặt,tiền gửi ngân hàng,phải trả khác
Có TK 711:

1.11 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

1.11.1 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung

Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

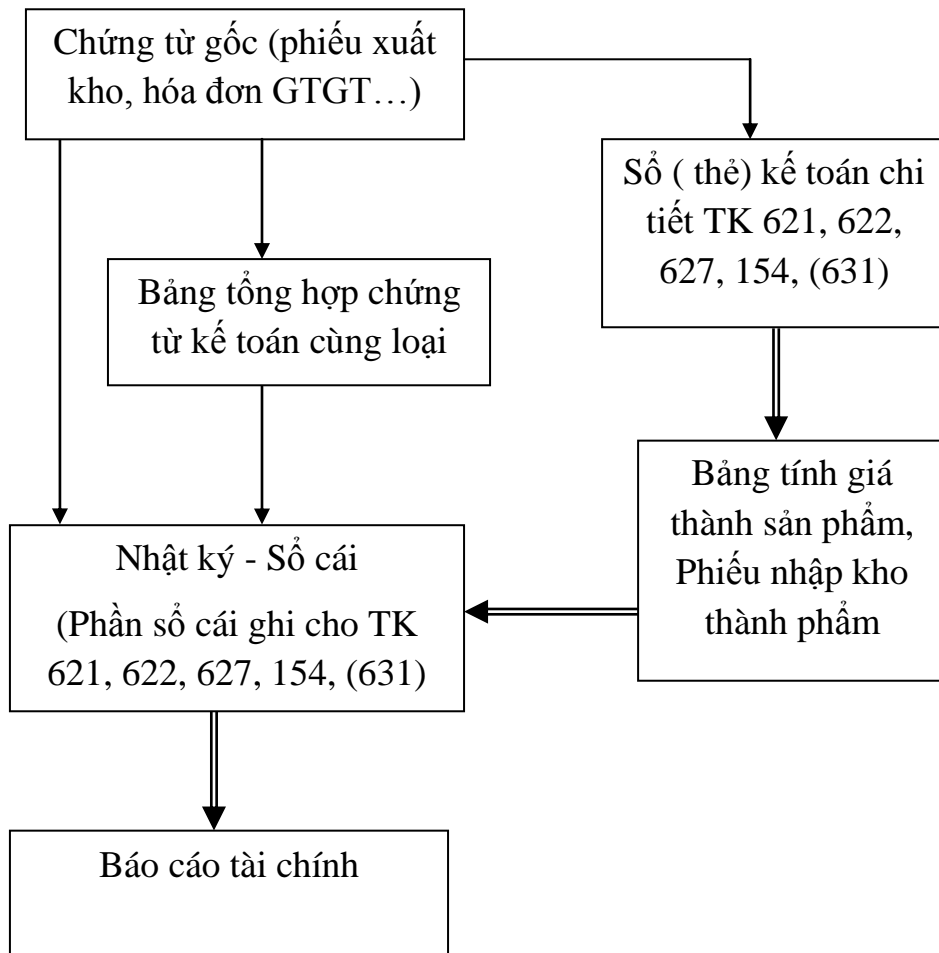
—————> Ghi hằng ngày

=====> Ghi cuối tháng

1.11.2 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký sổ cái

Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký sổ cái được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký sổ cái



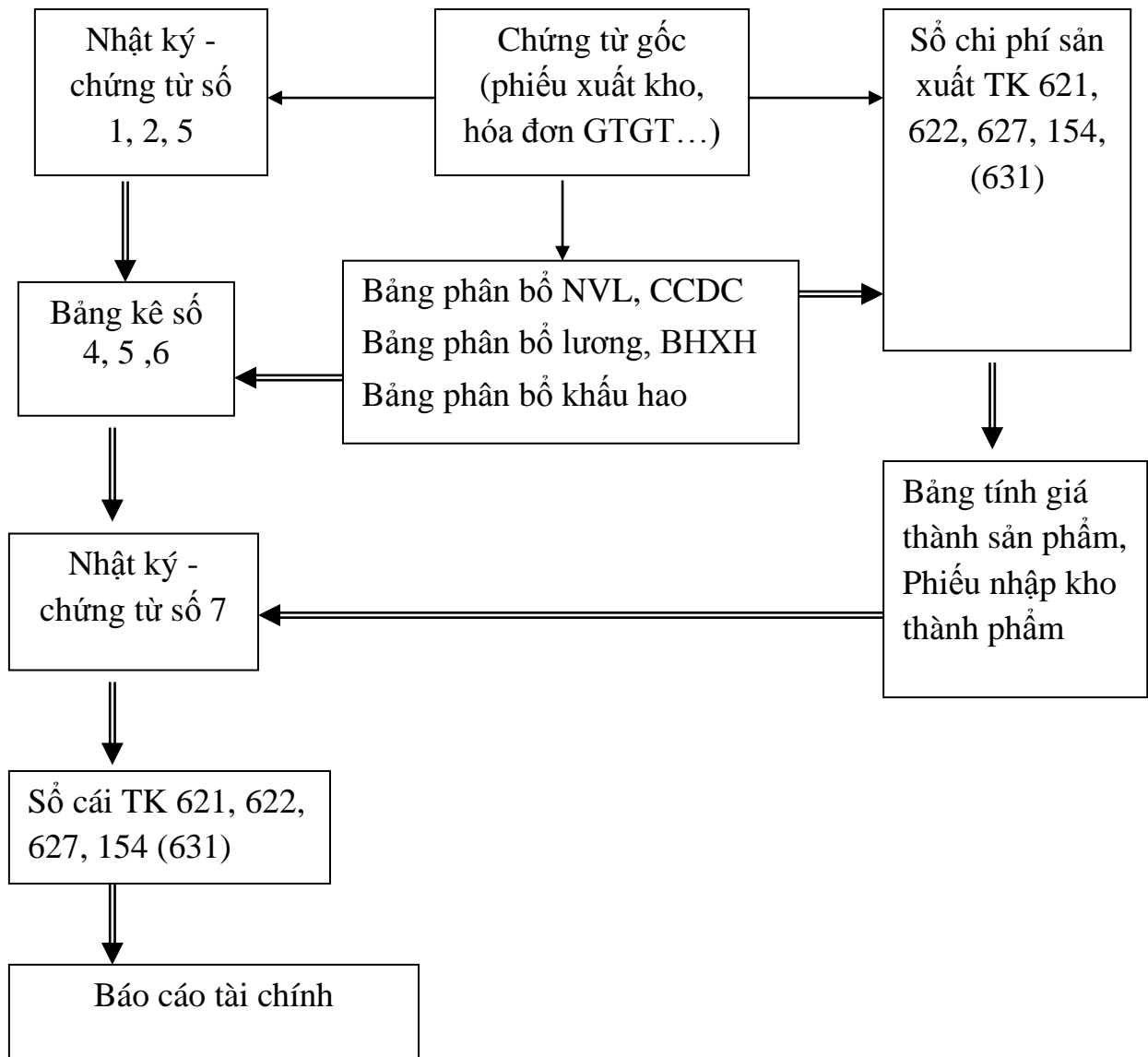
Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng

1.11.3 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ

Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ



Ghi chú:

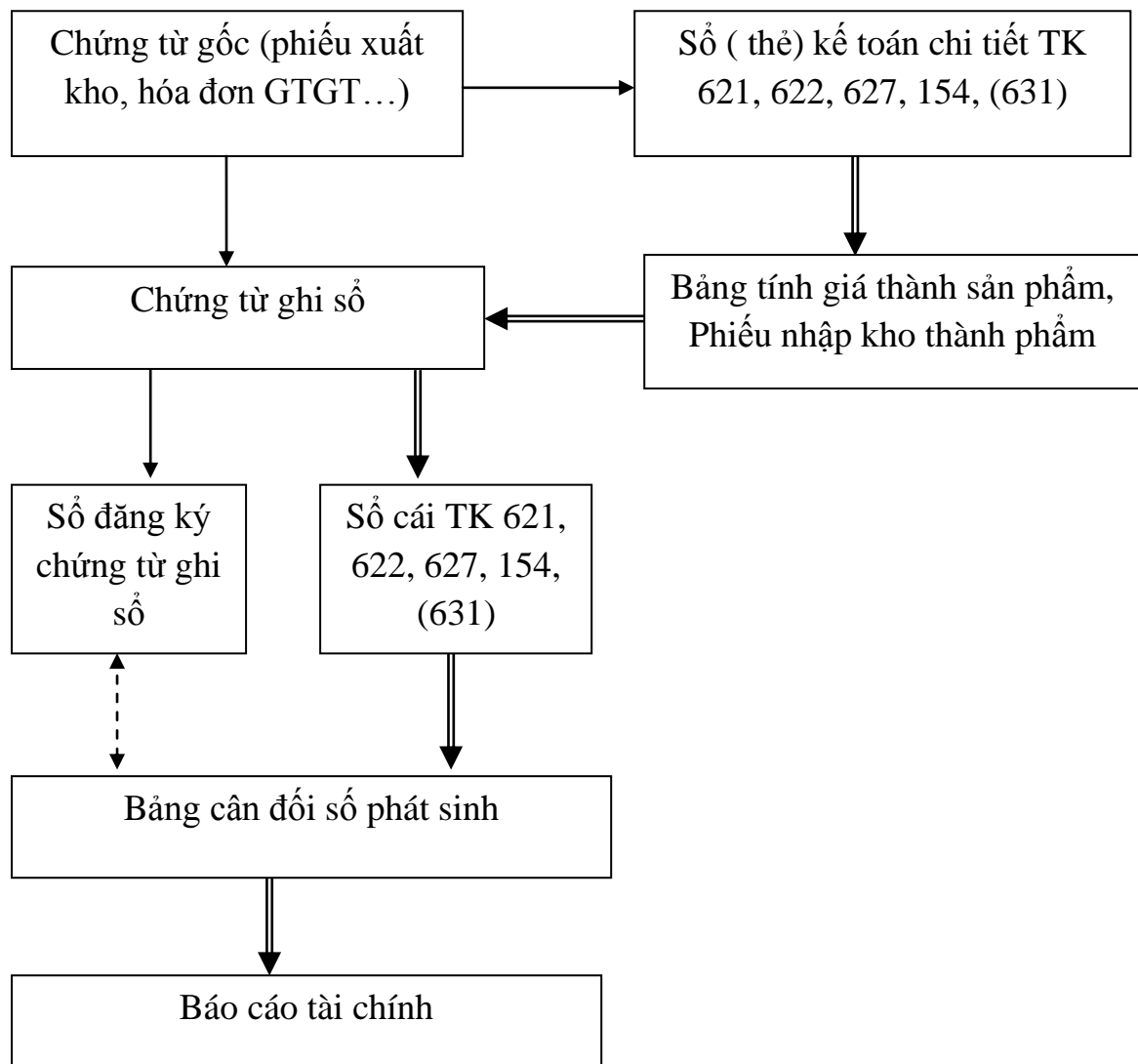
—————> Ghi hằng ngày

=====> Ghi cuối tháng

1.11.4 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



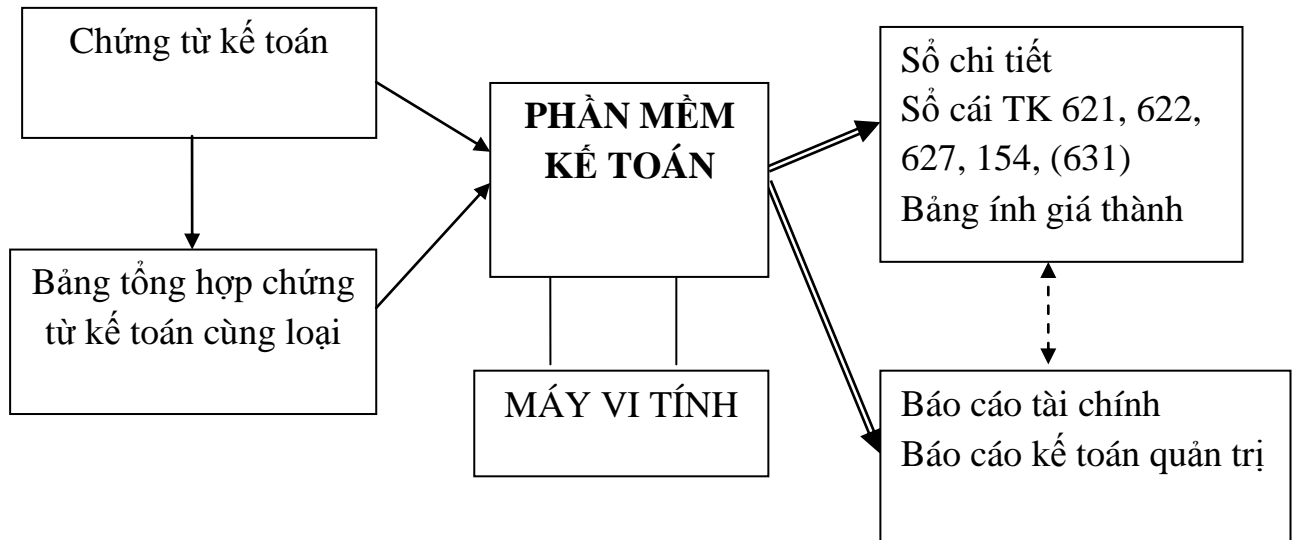
Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

1.11.5 Hình thức kế toán trên máy tính.

Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy tính được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. 12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



Ghi chú:

—————> Ghi hằng ngày

=====> Ghi cuối tháng

← -Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH QUANG ĐẠO

2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Quang Đạo

Công ty TNHH Quang Đạo được hành lập vào ngày 05/05/2001 theo Giấy phép đầu tư số 01/GP-HP của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

Công ty trách nhiệm hữu hạn Quang Đạo là công ty sản xuất các sản phẩm chăn gối đệm có trụ sở chính tại xã Vĩnh Khê, huyện An Dương, Hải Phòng.

MST:0200838310

ĐT:0318.825.301

Lĩnh vực hoạt động theo giấy phép kinh doanh: Sản xuất các loại chăn, ga, gối, đệm: đệm Hanful, đệm xơ dừa thiên nhiên, đệm nước, chăn hè, ga phủ, ga chun trần, vỏ chăn, vỏ gối ôm...

Tình hình phát triển của công ty trong 3 năm gần đây được thể hiện qua có biểu sau:

Biểu 2.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu thuần	74.565.125.260	80.236.356.500	85.023.369.600
Giá vốn hàng bán	44.236.950.300	49.236.584.126	53.395.810.030
Lợi nhuận gộp	30.328.174.960	30.999.772.374	31.627.559.570
LNTT	2.992.850.430	2.936.824.495	3.068.029.214
Thuế TNDN	748.212.608	587.364.899	613.605.843
Lợi nhuận sau thuế	2.244.637.823	2.349.459.596	2.454.423.371
Thuế và các khoản phải nộp NSNN	425.896.500	642.294.350	924.369.105
Vốn kinh doanh bình quân	28.214.367.000	30.548.472.315	32.745.911.620
Thu nhập BQ 1 lao động /tháng	3.850.000	4.150.000	4.328.000

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty TNHH Quang Đạo.

2.1.2.1 Đặc điểm sản phẩm

Công ty TNHH Quang Đạo sản xuất đa dạng các sản phẩm chăn ga gối đệm nhưng chủ yếu tập trung các sản phẩm sau:

* Đệm Hanful kích cỡ 1,2m x 1,9 m - 1,5m x 1,9m – 1,6m x 2,0 m

- Nguyên liệu sử dụng : Các loại vải như vải TC cao cấp(70% Cotton,30% nylon),Vải 100% cotton,vải ren,...
- Ruột đệm kết hợp công nghệ trái nằm hai bên và trái đứng lớp giữa,cho đệm có độ cứng phù hợp và chắc chắn.

* Đệm xơ dừa thiên nhiên 100 x 200 x 10cm- 150 x 190 x 9cm – 180 x 200 x 30 cm

- Gồm hai nguyên liệu chính là xơ dừa thiên nhiên và latex cao su thiên nhiên,kết hợp vỏ bọc bằng gấm hoa văn sử dụng thích hợp với các mùa trong năm.

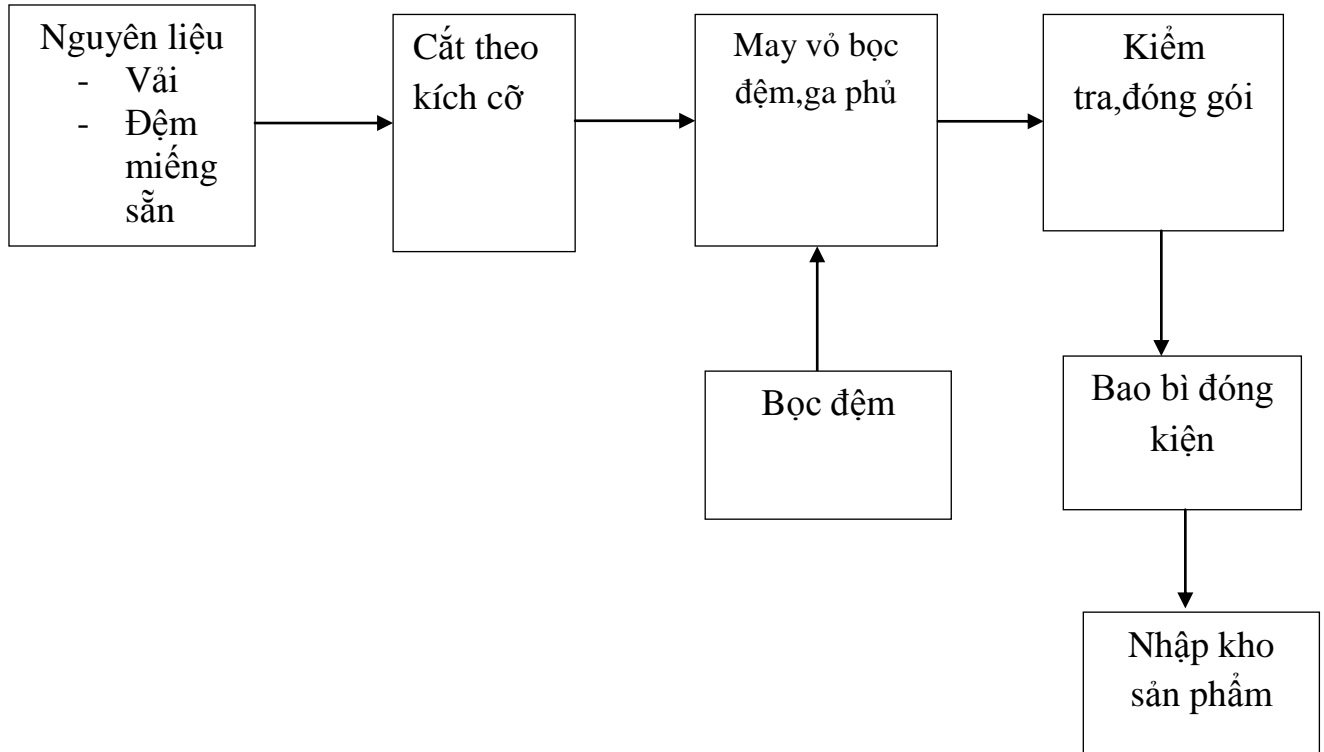
* Các loại vỏ chăn,chăn hè,vỏ gối,ga phủ,...được sản xuất từ các loại vải kết hợp với các nguyên vật liệu phụ : khóa,chun,các họa tiết thêu phun thích hợp.

* Các loại ruột gối bông,gối ôm được sản xuất từ bông sợi Microbiber,các loại bông thông thường.

2.1.2.2 Quy trình công nghệ tại công ty TNHH Quang Đạo.

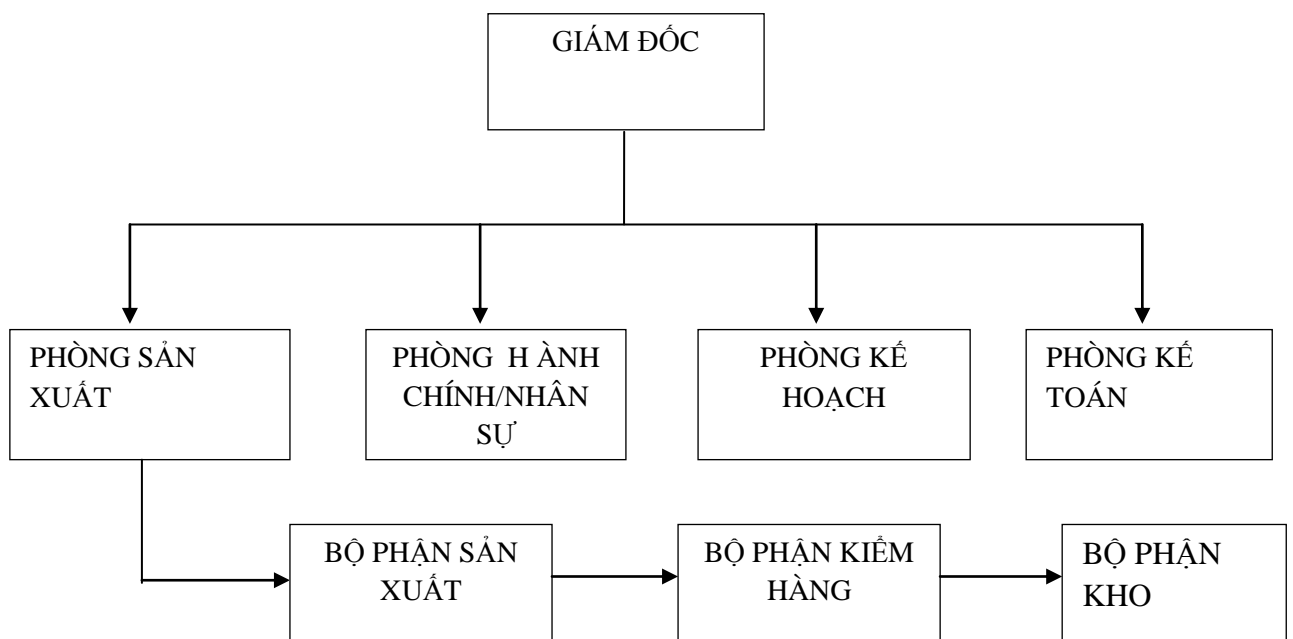
Quy trình sản xuất đệm tại công ty TNHH Quang Đạo tương đối phức tạp, sau đây là quy trình sản xuất đệm tại công ty :

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất đệm tại công ty TNHH Quang Đạo



2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Quang Đạo.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Quang Đạo



(Nguồn dữ liệu : Phòng hành chính, nhân sự công ty TNHH Quang Đạo)

- Giám đốc công ty: Người lãnh đạo cao nhất, quản lý và giám sát, điều hành bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính chất lượng.
- Phòng nhân sự: Tham mưu cho giám đốc giải quyết vấn đề về tuyển dụng phân công lao động.
- Phòng kế toán: Thực hiện các công tác kế toán, hạch toán, quản lý và giám sát các công việc tài chính của công ty.
- Phòng sản xuất thực hiện bàn giao các kế hoạch sản xuất, quản lý chặt chẽ những vấn đề liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Phòng kế hoạch: Tham mưu với giám đốc, đưa ra những chiến lược kinh doanh.

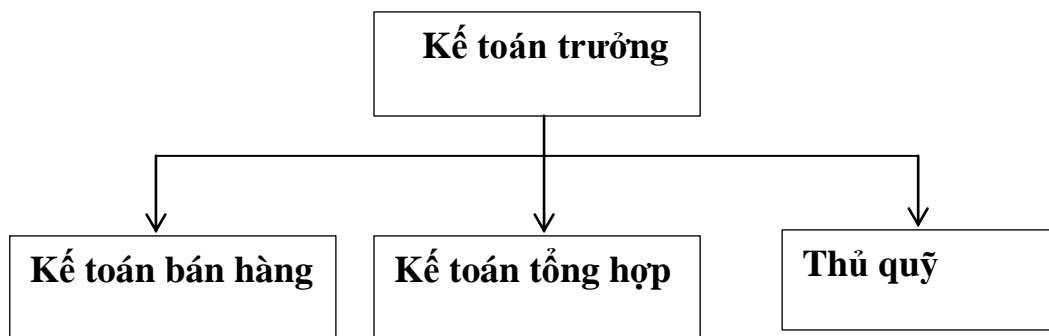
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách áp dụng tại công ty TNHH Quang Đạo.

2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH Quang Đạo.

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Quang Đạo được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Với hình thức này thì toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung tại phòng Kế toán, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của kế toán trưởng.

Ta có mô hình kế toán của công ty

Sơ đồ 2.3 : Mô hình tổ chức kế toán tại công ty TNHH Quang Đạo.



(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Quang Đạo)

- *Kế toán trưởng*: Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty.

- *Kế toán bán hàng*: Phản ánh kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của các thành phẩm, doanh thu và kết quả kinh doanh. Ghi chép đầy đủ chính xác từng loại doanh thu, cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính.
- *Kế toán tổng hợp*: Có trách nhiệm bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán tiền lương, tài sản cố định, nguyên vật liệu, hàng hóa, giá thành, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản công nợ phải thu phải trả để có thể cung cấp bất cứ khi nào cho kế toán trưởng hay giám đốc và phó giám đốc.
- *Thủ quỹ*: Chịu trách nhiệm xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu, phiếu chi đã được phê duyệt. Quản lý bảo quản tiền mặt, lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.1.4.2 Chính sách kế toán chủ yếu tại công ty TNHH Quang Đạo.

- Kỳ kế toán: Công ty áp dụng kỳ kế toán theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền sử dụng: Công ty sử dụng tiền đồng Việt Nam trong hệ thống kế toán.

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

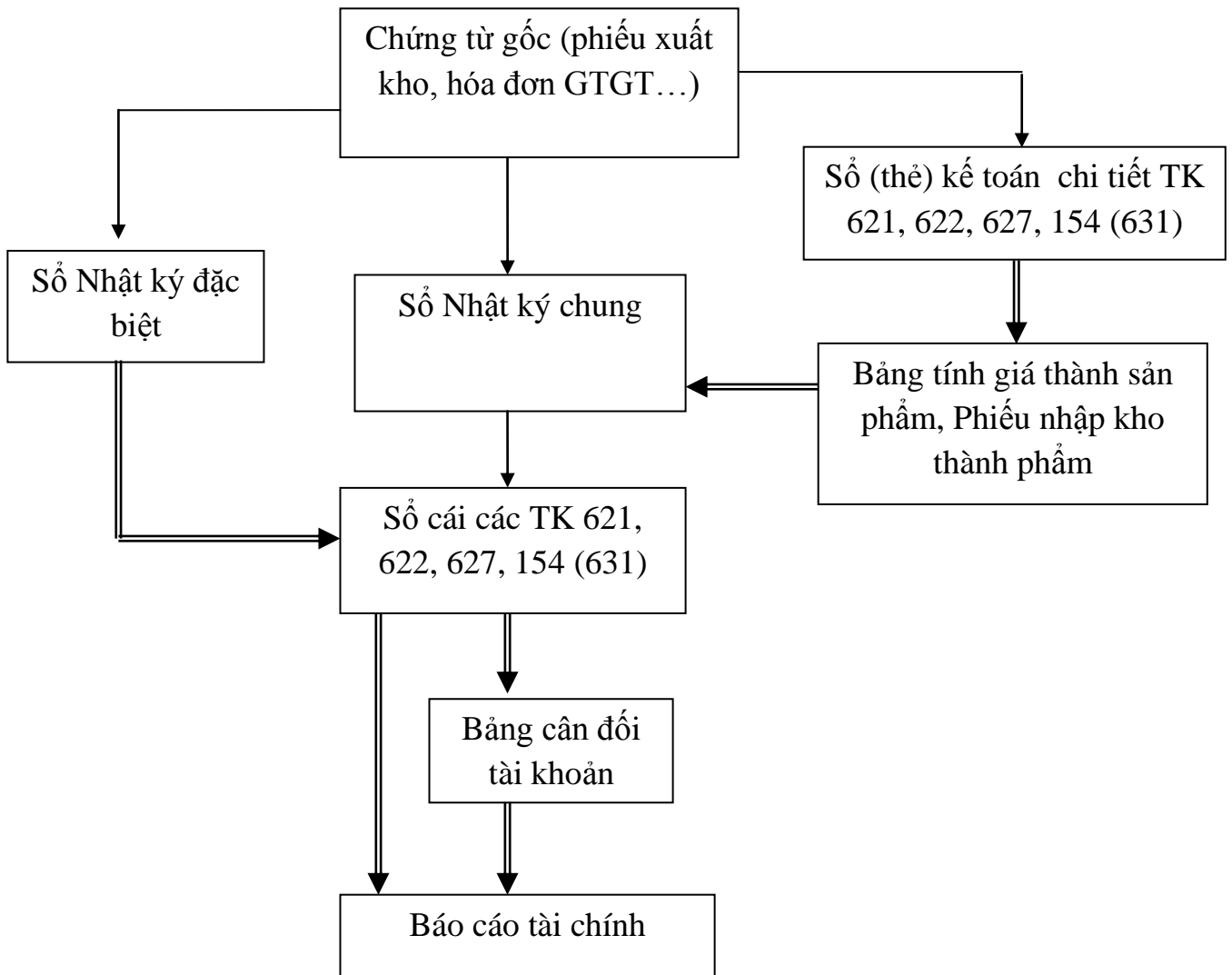
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân liên hoàn.

- Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp sử dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hình thức kế toán áp dụng tại công ty: Hình thức kế toán nhật ký chung.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo hình thức nhật ký chung.



Ghi chú:

————→ Ghi hằng ngày

=====> Ghi cuối tháng

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.

2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty mà chi phí sản xuất của công ty bao gồm nhiều loại khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra cũng như việc ra quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất ở công ty TNHH Quang Đạo được phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm. Theo đó chi phí sản xuất trong kỳ được chia thành:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm toàn bộ các vật liệu cần thiết trực tiếp tạo ra sản phẩm như vải, bông, chỉ, khóa, chun, cúc.
- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương, các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) và các khoản phụ cấp tính trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.
- Chi phí sản xuất chung: là những chi phí phục vụ cho sản xuất nhưng không trực tiếp tham gia sản xuất gồm tiền lương, các khoản trích theo lương nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí phân bổ tài sản cố định.

2.2.2 . Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm

*** Đối tượng tập hợp chi phí**

Công ty TNHH với tính chất ngành sản xuất nhiều mặt hàng, để đáp ứng được yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, phục vụ tốt cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác kịp thời đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phân xưởng.

*** Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Với đặc điểm tình hình sản xuất của công ty và để phù hợp cho kế toán tính giá thành các loại sản phẩm công ty xác định đối tượng tính giá thành là sản phẩm.

2.2.3 Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm

Việc tổng hợp chi phí sản xuất và tính tổng giá thành đơn vị sản phẩm đáp ứng quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Công ty thực hiện kỳ tính giá thành theo tháng.

Phương pháp tính giá thành: Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn

*Tổng giá thành sản xuất sản phẩm trong kỳ được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{rclcl} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí dở} \\ \text{sản phẩm hoàn} & = & \text{xuất dở} & + & \text{xuất phát} & - & \text{dang cuối kỳ} \\ \text{thành trong kỳ} & & \text{đang đầu kỳ} & & \text{sinh trong kỳ} & & \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm sản xuất trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ}}$$

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.

Để mô tả cho dòng chảy của dữ liệu kế toán, bài viết tập chủ yếu vào việc thu thập, mô tả dữ liệu về chi phí sản xuất và tính giá thành cho sản phẩm đệm Hanful.

2.2.4.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty TNHH Quang Đạo.

❖ *Hệ thống chứng từ:*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Lệnh xuất vật tư

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Đề tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 621 "Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp"

❖ *Sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 621
- Sổ chi tiết tài khoản 621

***Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty TNHH Quang Đạo.**

Nguyên vật liệu trực tiếp là yếu tố chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu giá thành. Trong công ty chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm: Vải, bông.

Sản phẩm sản xuất : Đệm Haful 1,5 x 1,9m, độ dày 9cm. Sản xuất một chiếc đệm cần 5,5m vải, 21 kg bông ép, 5m khóa.

Ví dụ về tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Ví dụ 1: Ngày 02/12/2014 công ty mua 1800 m vải cotton của công ty TNHH Minh Tâm theo hóa đơn GTGT số 0000245, như biểu số 2.2:

Biểu số 2. 2: Hóa đơn GTGT 0000245

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AN/13P					
Liên 2: Giao người mua Số: 0000245					
Ngày 02 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Minh Tâm					
Mã số thuế: 0202587961					
Địa chỉ: Số 102, TT An Lão, Hải Phòng					
Số tài khoản.....					
Điện thoại: 031.3670.124					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo					
Mã số thuế: 0200838310					
Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, xã An Đông, An Dương, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:					
Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vải cotton	m	1800	44.500	80.100.000
Cộng tiền hàng					80.100.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					8.010.000
Tổng cộng tiền thanh toán					88.110.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi tám triệu một trăm mười nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ HĐGTGT số 0000245 kê toán lập phiếu nhập kho số 06/12 như biểu số 2.3:

Biểu số 2. 3:Phiếu nhập kho số 06/12

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo
Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, HP

Mẫu số 01 -VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2014

Nợ: 152

Số:06/12

Có: 331

Họ và tên người giao : Nguyễn Thị Hậu

Nhập theo : Hoá đơn GTGT số: 000245 ngày 02 tháng 12 năm 2014

Nhập tại kho : Công ty. Địa điểm: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, HP

STT	Tên, quy cách ký hiệu vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải cotton	VAI C	m	1800	1800	44.500	80.100.000
Cộng thành tiền							80.100.000

Số tiền bằng chữ: Tám mươi triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 02 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ phiếu nhập kho số 06/12 kế toán ghi sổ chi tiết tài khoản 152 như biểu số 2.4:

Biểu số 2.4:Sổ chi tiết tài khoản 152 – Vải Cotton

Đơn vị:Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số S10 - DN

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Tài khoản 152

Tên nguyên vật liệu: Vải Cotton

Tháng 12/2014

Đơn vị tính:Mét

Chứng từ		Diễn giải	Tkd ur	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
					SL	TT	SL	TT	SL	TT
SH	NT	<u>Sdđk</u>		43.000					<u>530</u>	<u>22.790.000</u>
HĐGTGT 0000245 PN 06/12	02/12	Nhập kho vải Cotton	331	44.500	1800	80.100.000			2.330	102.890.000
PX 10/12	08/12	Xuất kho vải Cotton	621	44.160			2.230	98.476.800	100	4.413.200
		Cộng			1800	80.100.000	2.330	98.476.800		
		<u>Sđck</u>							<u>100</u>	<u>4.413.200</u>

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

Khóa luận tốt nghiệp

* Ví dụ 2: Xuất 2230 mét vải cotton, 10.583 kgbông ép, 255 Cuộn chỉ, 278 Cuộn khóa để sản xuất đệm Hanful 1,5 x 1,9 m.

Kế toán lập phiếu xuất kho như biểu 2.5:

Biểu số 2. 5:Phiếu xuất kho vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số 01 -VT

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2014

Số:10/12

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Đào Thị Thu. Bộ phận: Phân xưởng may

Lý do xuất kho: Xuất cho sản xuất

Xuất tại kho : Công ty. Địa điểm: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, HP.

STT	Tên, quy cách ký hiệu vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vải Cotton	VAIC	Mét	2.230	2.230	44.160	98.476.800
2	Bông ép	BONG	Kg	10.583	10.583	18.192	192.525.936
3	Chỉ	CHI	Cuộn	255	255	30.000	7.650.000
4	Khóa	KHOA	Cuộn	278	278	72.900	20.266.200
Cộng thành tiền							318.918.936

Ngày 08 tháng 12 năm 2014

Số tiền bằng chữ : Ba trăm mười tám triệu chín trăm mười tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:

Đơn giá vải cotton xuất kho được tính theo công thức như sau:

$$\text{Đơn giá nguyên vật liệu xuất kho} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế NVL tồn kho sau lần nhập } i}$$

Giá trị NVL xuất dùng = Đơn giá giá bình quân sau lần nhập i x Số lượng NVL xuất kho.

Trị giá vải cotton tồn đầu tháng 12/2014 : số lượng 530 mét, trị giá 22.790.000 đồng.

$$\text{Đơn giá vải cotton} = \frac{530 * 43000 + 1800 * 44500}{530 + 1800} = 44.160 \text{ đồng/mét vải.}$$

- Trị giá vải cotton xuất kho ngày 10/12 = 2230 x 44.160 = 98.476.800 đồng.

*Căn cứ phiếu xuất kho vật liệu số 10/12 như biểu 2.5 kế toán ghi sổ chi tiết “Chi phí sản xuất kinh doanh” như biểu số 2.6:

Biểu số 2. 6:Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

SỔ CHI CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 621:Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tên sản phẩm : Đệm Hanful 1,5 x 1,9 m

Tháng 12/2014

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”		
	SH	NT			Tổng số	Chia ra	
						Vật liệu chính	Vật liệu phụ
08/12	PXK10/12	08/12	Xuất vải cotton	152	98.476.800	98.476.800	
08/12	PXK10/12	08/12	Xuất kho bông ép	152	192.525.936	192.525.936	
08/12	PXK10/12	08/12	Xuất kho chỉ	152	7.650.000		7.650.000
08/12	PXK10/12	08/12	Xuất kho khóa	152	20.266.200		20.266.200
			Cộng phát sinh		318.918.936	291.002.736	27.916.200
			Ghi có tài khoản 621	154	318.918.936		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu :Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ vào HĐGTGT số 0000245, phiếu nhập kho số 06/12, phiếu xuất kho số 10/12 kế toán ghi sổ nhật ký chung như biểu 2.7:

Biểu số 2. 7: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số S03a -DN

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
HĐGTGT 0000245 PNK06/12	02/12	Mua vải cotton nhập kho	152	80.100.000	
			133	8.010.000	
			331		88.110.000
P XK10/12	08/12	Xuất vải sản xuất dệt Hanful	621	318.918.936	
			152		318.918.936
.....
		Cộng số phát sinh tháng		21.415.486.400	21.415.486.400
		Cộng lũy kế từ đầu năm		257.218.369.250	257.218.369.250

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 621 như biểu 2.8:

Biểu số 2. 8: Trích sổ cái tài khoản “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tài khoản : 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Sđđk</u>			
PXK10/12	08/12	Xuất vải, bông ép, chỉ, khóa sản xuất đệm Hanful 1,5 x 1,9m	152	318.918.936	
.....
PKT05/12	31/12	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	154		1.874.241.000
		Cộng phát sinh tháng		1.874.241.000	1.874.241.000
		Công lũy kế từ đầu năm		20.276.548.260	20.276.543.260
		<u>Sđck</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

2.2.4.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Quang Đạo.

Tại công ty TNHH Quang Đạo sản phẩm sản xuất thực hiện chủ yếu bằng lao động thủ công. Do đó, chi phí nhân công chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng số chi phí sản xuất, việc hạch toán chi phí nhân công vì thế có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hạch toán đúng, đầy đủ và chính xác chi phí nhân công sẽ giúp cung cấp thông tin hữu hiệu cho nhà quản lý, phản ánh thực trạng lao động tại mỗi phân xưởng để có biện pháp tổ chức thích hợp nhằm tạo ra động lực sản xuất và làm tăng năng xuất lao động, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Quang Đạo gồm tiền lương và các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả.

Hệ thống chứng từ tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

***Chứng từ sử dụng:**

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương

*** Tài khoản sử dụng :**

Đề tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm kế toán sử dụng tài khoản 622 “*Chi phí nhân công trực tiếp*”.

***Sổ sách sử dụng :**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 622

*** Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Quang Đạo.**

Hàng ngày tổ trưởng chấm công cho công nhân ghi vào bảng chấm công như biểu số 2.10. Đến cuối tháng căn cứ vào các chứng từ: bảng chấm công, giấy ốm, giấy xin nghỉ theo chế độ, ... Kế toán tiến hành tính số tiền lương phải trả cho người lao động và lập bảng thanh toán lương. Sau đó, tổ trưởng các bộ phận nhận bảng chấm công và bảng thanh toán lương đưa cho từng công nhân ký xác nhận.

Tại công ty TNHH Quang Đạo tính lương của công nhân bằng hình thức lương thời gian, các khoản trích theo lương tính trên số lương cơ bản.

➤ **Tổng thu nhập = Lương cơ bản + Các khoản phụ cấp**

$$\text{Tiền lương cơ bản} = \frac{\text{Lương tối thiểu} \times \text{Hệ số lương}}{\text{Số ngày công theo quy định}} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}$$

***Các khoản trích theo lương:**

Công ty trích các khoản trích theo lương theo quy định gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn.

Biểu số 2.9: Bảng tính các khoản trích theo lương

Đối tượng			
Nội dung	Doanh nghiệp	Người lao động	Tổng
1, Kinh phí công đoàn	2%	–	2%
2, Bảo hiểm xã hội	18%	8%	26%
3, Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	4,5%
4, Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%	2%
Tổng	24%	10,5%	34,5%

Biểu số 2. 10: Trích bảng chấm công tháng 12/2014

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số: 01a – LĐTL

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 12/2014

Bộ phận sản xuất: Phân xưởng 2

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Ngày trong tháng																	Tổng số ngày công
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	...	29	30	31	
1	Phan Ngọc Anh	Quản lý sản xuất	X	X	X	X	X	X	CN	X	X	X	X	X	X		X	X	X	26
2	Phạm Mai Anh	Tổ trưởng	X	X	X	X	X	X	CN	X	X	X	X	X	X		X	X	X	26
3	Lê Văn Ba	Công nhân	X	X	X	X	X	X	CN	X	X	X	X	X	X		X	X	X	26
4	Nguyễn Thị Bình	Công nhân	X	X	X	X	X	X	CN	X	X	X	X	X	X		X	X	X	26
5	Đào Ngọc Dung	Công nhân	X	X	X	X	X	X	CN	X	X	X	X	X	X		X	X	X	26

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

***Cách tính lương của một công nhân :**

Lương cơ bản của công nhân: $1.150.000 \times 2.95 = 3.400.000$ đ/ tháng.

$$\text{Lương ngày} = \frac{3400000}{26} = 130.769$$

Phụ cấp chuyên cần: 300.000đ/tháng.

Phụ cấp đi lại:

- Mức 1 : Số km từ nhà đến công ty từ 1km -5 km : 100.000đ/tháng.
- Mức 2 : Số km từ nhà đến công ty từ 5km -10 km: 300.000đ/tháng.
- Mức 3 : Số km từ nhà đến công ty từ 10km -15 km : 407.000/tháng.
- Mức 4 : Số km từ nhà đến công ty trên 15 km : 490.000/tháng.

Trích theo lương = Lương cơ bản x 10.5%

Ví dụ: Trong tháng 12 công nhân Lê Văn Bađi làm đủ 26 ngày, được hưởng phụ cấp chuyên cần và phụ cấp đi lại là mức 4:

$$\text{Tổng thu nhập} = 3.400.000 + 300.000 + 407.000 = 4.107.000đ$$

- Các khoản trích theo lương:

$$\text{BHXH} = 3.400.000 \times 8\% = 272.000 \text{ đ}$$

$$\text{BHTN} = 3.400.000 \times 1\% = 34.000đ$$

$$\text{BHYT} = 3.400.000 \times 1,5\% = 51.000đ$$

$$\text{Thu nhập thực lĩnh} = 4.107.000 - (272.000 + 51.000 + 34.000) = 3.750.000 \text{ đ}$$

*Căn cứ bảng chấm công kế toán lập bảng thanh toán lương như biểu số 2.11:

Biểu số 2.11: Trích bảng thanh toán lương tháng 12

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo
Địa chỉ: Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số : 02 – LĐTL
 (Ban hành theo quyết định số : 15/2006/QĐ – BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 12

Tháng 12/2014

Tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Lương tháng	Phụ cấp đi lại	Phụ cấp chuyên cần	Tổng thu nhập	BHXH 8%	BHYT 1.5%	BHTN 1%	Thu nhập thực lĩnh
Phan Ngọc Anh	QLSX	7.950.000	7.950.000	407.000	300.000	8.657.000	636.000	119.250	79.500	7.822.250
Phạm Mai Ánh	Tổ trưởng	5.360.000	5.360.000	300.000	300.000	5.960.000	428.800	80.400	53.600	5.397.200
Vũ Thị Bình	Công nhân	3.400.000	3.400.000	407.000	300.000	4.107.000	272.000	51.000	34.000	3.750.000
Nguyễn Thị Châm	Công nhân	3.400.000	3.400.000	300.000	300.000	4.000.000	272.000	51.000	34.000	3.643.000
...
Cộng phân xưởng 2		43.268.000	43.268.000	3.600.000	3.300.000	48.526.000	3.461.440	649.020	432.680	38.724.860
Tổng hợp bộ phận sản xuất		187.587.000	187.587.000	12.364.000	9.100.000	209.051.000	15.006.960	2.813.805	1.875.870	189.354.365
Tổng hợp bộ phận quản lý phân xưởng		48.921.000	48.921.000	7.625.000	5.300.000	61.846.000	3.913.680	733.815	489.210	56.709.295
Tổng hợp bộ phận bán hàng		74.264.750	74.264.750	5.940.000	6.500.000	86.704.750	5.941.180	1.113.971	742.647	78.906.852
Tổng hợp bộ phận quản lý doanh nghiệp		130.547.500	130.547.500	6.740.000	4.900.000	142.187.500	10.443.800	1.958.213	1.305.475	128.480.012
Tổng cộng		441.320.250	441.320.250	32.669.000	25.800.000	499.789.250	35.305.620	6.619.804	4.413.202	453.450.524

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Quang Đạo)

* Căn cứ bảng thanh toán lương và theo quy định các khoản trích theo lương năm 2014 kế toán lập bảng trích các khoản theo lương như biểu 2.12:

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu 2.12: Trích bảng trích các khoản theo lương

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Địa chỉ: Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số : 10 – LĐTL

(Ban hành theo quyết định số : 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TRÍCH CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2014

ST T	Họ và tên	Lương cơ bản	Tổng thu nhập	Các khoản trừ vào lương (10,5%)				Các khoản trích tính vào chi phí					Cộng (34,5%)
				BHXH(8%)	BHYT(1,5 %)	BHTN(1%)	Cộng(10,5%)	BHXH(18 %)	BHYT(3%)	BHTN(1%)	KPCĐ(2%)	Cộng (24%)	
	Phan Ngọc Anh	7.950.000	8.657.000	636.000	119.250	79.500	834.750	1.431.000	238.500	79.500	173.140	1.922.140	2.756.890
	Phạm Mai Ánh	5.360.000	5.960.000	428.800	80.400	53.600	562.800	964.800	160.800	53.600	119.200	1298.400	1.861.200
	Nguyễn Thị Châm	3.400.000	4.000.000	272.000	51.000	34.000	357.000	612.000	102.000	34.000	80.000	828.000	1.185.000

	Cộng phân xưởng 2	43.268.000	48.526.000	3.461.440	649.020	432.680	4.543.140	7.788.240	1.298.040	432.680	970.520	11.646.240	16.189.380
I	Tổng hợp bộ phận sản xuất	187.587.000	209.051.000	15.006.960	2.813.805	1.875.870	19.696.635	33.765.660	5.627.610	1.875.870	4.181.020	45.450.160	65.146.795
II	Tổng hợp bộ phận QLPX	48.921.000	61.846.000	3.913.680	733.815	489.210	5.136.705	8.805.780	1.467.630	489.210	1.236.920	11.999.540	17.136.245
III	Tổng hợp bộ phận bán hàng	74.264.750	86.704.750	5.941.180	1.113.971	742.647	70797.798	13.367.655	2.227.943	742.648	1.734.095	18.072.340	25.870.138
IV	Tổng hợp bộ phận QLDN	130.547.500	142.187.500	10.443.800	1.958.213	1.305.475	13.707.488	23.498.550	3.916.425	1.305.475	2.843.750	31.564.200	45.271.688
	Tổng cộng	441.320.250	499.789.250	35.305.620	6.619.804	4.413.202	46.338.626	79.437.645	13.239.608	4.413.203	9.995.785	107.086.240	153.424.866

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)
(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ vào bảng thanh toán lương và bảng trích các khoản theo lương kế toán lập bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương như biểu 2.13:

Biểu 2.13: Trích bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương:

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số : 11- LĐTTL

Địa chỉ: Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số : 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2014

STT	Ghi có TK Đối tượng sử dụng	TK 334 – Phải trả người lao động		TK 338 – Phải trả phải nộp khác				
		Tổng thu nhập	Cộng có TK 334	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm y tế	Bảo hiểm thất nghiệp	Kinh phí công đoàn	Cộng có TK 338
1	TK 622	209.051.000	209.051.000	33.765.660	5.627.610	1.875.870	4.181.020	45.450.160
2	TK 627	61.846.000	61.846.000	8.805.780	1.467.630	489.210	1.236.920	11.999.540
3	TK 641	86.704.750	86.704.750	13.367.655	2.227.943	742.648	1.734.095	18.072.340
4	TK 642	142.187.500	142.187.500	23.498.550	3.916.425	1.305.475	2.843.750	31.564.200
	TK 334			35.305.620	6.619.804	4.413.202		46.338.626
	Cộng	499.789.250	499.789.250	114.743.265	19.859.412	8.826.405	9.995.785	153.424.866

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)
(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty TNHH Quang Đạo)

Khóa luận tốt nghiệp

*Căn cứ vào bảng phân bổ lương kế toán ghi sổ nhật ký chung như biểu 2.14:

Biểu số 2.14: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số S03a -DN

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
BPBL T12	31/12	Lương phải trả cán bộ công nhân viên	622	209.051.000	
			627	61.846.000	
			641	86.704.750	
			642	142.187.500	
			334		499.789.250
BPBL T12	31/12	Các khoản trích theo lương	622	45.450.160	
			627	11.999.540	
			641	31.564.200	
			642	31.564.200	
			334	46.338.626	
			338		153.424.866
...
		Cộng số phát sinh tháng		21.415.486.400	21.415.486.400
		Cộng lũy kế từ đầu năm		257.218.369.250	257.218.369.250

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 622 như biểu số 2.15:

Biểu số 2. 15: Trích sổ cái TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, xã An

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC

Đông, An Dương, Hải Phòng.

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tài khoản : 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Sđđk</u>			
BPBLT12	31/12	Lương phải trả công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm	334	209.051.000	
	31/12	Các khoản trích theo lương nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm	338	45.450.160	
PKT06/12	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154		254.501.160
		Cộng phát sinh tháng		254.501.160	254.501.160
		Cộng lũy kế từ đầu năm		3.048.758.230	3.048.758.230
		<u>Sđck</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

2.2.4.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH Quang Đạo

Hệ thống chứng từ, tài khoản sử dụng và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty TNHH Quang Đạo.

***Chứng từ và TK sử dụng:**

- Chứng từ :

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu xuất kho

+ Bảng phân bổ công cụ dụng cụ

+ Bảng phân bổ khấu hao

- **Tài khoản sử dụng** : Kế toán sử dụng TK 627 – *Chi phí sản xuất chung* để tập hợp chi phí phát sinh tại phân xưởng phục vụ quá trình sản xuất.

***Sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất chung:** Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 627

Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH Quang Đạo.

Chi phí sản xuất chung trong tháng của công ty TNHH Quang Đạo bao gồm: chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Đây là khoản chi phí phát sinh trong phân xưởng, phục vụ cho quá trình sản xuất tại phân xưởng.

- Chi phí nhân viên phân xưởng: là các chi phí liên quan và phải trả cho nhân viên phân xưởng như tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp.

- Chi phí công cụ, dụng cụ: là chi phí về công cụ dụng cụ xuất dùng cho yêu cầu sản xuất chung ở phân xưởng, như kéo, kim, cân điện tử, gắp chì, lục lăng, ...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: là toàn bộ tiền trích khấu hao tài sản cố định sử dụng ở các phân xưởng sản xuất như: khấu hao nhà phân xưởng, khấu hao máy móc (máy cắt, ép), thiết bị tại xưởng sản xuất ...

Công ty TNHH Quang Đạo tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng (phương pháp bình quân) và tính trực tiếp cho tài sản cố định sử dụng tại phân xưởng.

Ví dụ: Ngày 10/12/2014 công ty mua kéo may, thước đo của công ty thương mại An Hòa xuất thẳng phục vụ sản xuất.

Biểu số 2.16:Hóa đơn GTGT:

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AN/13P					
Liên 2: Giao người mua		Số: 0000268			
Ngày 10 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty thương Mại An Hòa					
Mã số thuế: 020251186					
Địa chỉ: Số 16, TT An Dương.HP					
Số tài khoản.....					
Điện thoại: 031.3670.048					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo					
Mã số thuế: 0202127954					
Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, xã An Đông, An Dương, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:				Số tài khoản.....	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Kéo may	Cái	200	5.500	1.100.000
2	Thước đo	Cái	100	52.000	5.200.000
Cộng tiền hàng:					6.300.000
Thuế suất GTGT: 10 % ,				Tiền thuế GTGT:	630.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.930.000
Số tiền viết bằng chữ:Sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ HDGTGT kế toán ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.18.

Ngày 31/12, căn cứ vào bảng tính khấu hao biểu 2.17, kế toán ghi sổ nhật ký chung như biểu 2.18.

* Khấu hao TSCĐ trong tháng 12:

Biểu số 2. 17: Trích bảng tính khấu hao tài sản cố định

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12/2014

Đơn vị tính: đồng

STT	Loại TSCĐ	Ngày đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao tháng 12	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tài khoản ghi nợ 627
1	Nhà xưởng	01/01/2011	20	512.764.488	2.136.519	102.552.898	410.211.590	627
2	Máy cắt	15/02/2012	15	446.113.636	2.478.409	86.744.318	359.369.318	627
3	Điều hòa panasonic	01/01/2014	10	31.500.000	262.500	3.150.000	28.350.000	627
	
	Cộng bộ phận sản xuất			5.003.201.124	9.485.159	895.266.760	4.107.934.364	

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương biểu số 2. 11, Hóa đơn GTGT số 0000268 và bảng trích khấu hao tài sản cố định tháng 12, kế toán ghi sổ nhật ký chung như biểu 2.

Biểu số 2. 18:Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số S03a -DN

Địa chỉ:Thôn Vĩnh Khê, xã An Đông,An
Dương,Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
SH	NT			Nợ	Có	
HDGTGT 000268	10/12	Mua công cụ dụng cụ xuất thẳng sản xuất sản phẩm	627	6.300.000		
			133	630.000		
			331		6.930.000	
					
BPBLT12	31/12	- Lương nhân viên quản lý phân xưởng	622	209.051.000		
			627	61.846.000		
			641	86.704.750		
			642	142.187.500		
			334		499.789.250	
			- Các khoản trích theo lương	622	45.450.160	
				627	11.999.540	
				641	31.564.200	
				642	31.564.200	
				334	46.338.626	
				338		153.424.866
	BKHT12	31/12	Khấu hao TSCĐ tại phân xưởng	627 214	9.485.159	9.485.159
					
		Công phát sinh tháng		21.415.486.400	21.415.486.400	
		Cộng lũy kế đầu năm		257.218.369.250	257.218.369.250	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ sổ nhật ký chung kế toán ghi cổ cái như biểu số 2.19:

Biểu số 2. 19: Trích sổ cái TK 627

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo
Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, xã An
 Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số S03b – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tài khoản : 627 – Chi phí sản xuất chung

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Sddk</u>			
HĐGTGT 000268	10/12	Mua công cụ dụng cụ xuất thăng sản xuất sản phẩm	331	6.300.000	
				
BPBLT12	31/12	Lương phải trả nhân viên quản lý phân xưởng	334	61.846.000	
	31/12	Các khoản trích theo lương nhân viên quản lý phân xưởng	338	11.999.540	
BKHT12	31/12	Khấu hao TSCĐ tại phân xưởng	214	9.485.159	
				
PKT 07/12	31/12	Kết chuyển chi phí	154		170.141.699
		Cộng phát sinh tháng		170.141.699	170.141.699
		Cộng lũy kế từ đầu năm		2.042.163.210	2.042.163.210
		<u>Sdck</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

2.2.4.5 Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.

***Hệ thống chứng từ**

- Phiếu nhập kho thành phẩm
- Phiếu kế toán
- Bảng kê chứng từ nhập kho thành phẩm

***Tài khoản sử dụng**

Kế toán sử dụng TK 154 "*Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*" để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Kế toán sử dụng TK 155 "*Thành phẩm*" nhập kho sản phẩm trong kỳ.

***Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết chi phí sản xuất
- Bảng tính giá thành
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 154

*** Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo.**

Kết cấu giá thành sản phẩm của công ty bao gồm các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất.
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

Kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành áp dụng theo phương pháp tính giá thành giản đơn, được thực hiện trên tài khoản 154 – *Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*.

***Cuối tháng căn cứ vào sổ cái TK621 kế toán lập phiếu kế toán như biểu số 2.20:**

Biểu 2.20: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 05/12

STT	Nội dung	TK		Số tiền	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	154	621	1.874.241.000	1.874.241.000
	Cộng			1.874.241.000	1.874.241.000

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

***Cuối tháng căn cứ vào sổ cái các 622 kế toán lập phiếu kế toán như biểu số 2.21.**

Biểu 2.21:Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 06/12

STT	Nội dung	TK		Số tiền	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1	Chi phí nhân công trực tiếp	154	622	254.501.160	254.501.160
	Cộng			254.501.160	254.501.160

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

***Cuối tháng căn cứ vào sổ cái các 627 kế toán lập phiếu kế toán như biểu số 2.22:**

Biểu 2.22: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số 07/12

STT	Nội dung	TK		Số tiền	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1	Chi phí sản xuất chung	154	627	170.141.699	170.141.699
	Cộng			170.141.699	170.141.699

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

Cuối tháng sau khi đã tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung kế toán tiến hành phân bổ các loại chi phí này để tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất cho từng đối tượng chịu chi phí như biểu số 2.23:

Biểu số 2.23: Bảng tổng hợp và phân bổ chi phí sản xuất:

BẢNG TỔNG HỢP VÀ PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT

Tháng 12 năm 2014

Tên sản phẩm	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	Chi phí nhân công trực tiếp	Chi phí sản xuất chung
Đệm Hanful 1,5m x 1,9m	318.918.936	72.054.150	43.120.035
Đệm Hanful 1,2m x 1,9m	134.015.000	35.261.230	26.249.100
Đệm Hanful 1,8m x 2m	94.214.650	19.240.624	17.240.630
.....
Cộng	1.874.241.000	254.501.160	170.141.699

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

***Đánh giá sản phẩm dở dang**

Đánh giá sản phẩm dở dang là một khâu quan trọng trong công tác tính giá thành sản phẩm. Đánh giá sản phẩm dở dang chính xác sẽ giúp công tác tính giá thành được đúng đắn và hợp lý.

Tại công ty TNHH Quang Đạo khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ là khối lượng sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Chi phí dở dang cuối kỳ được tính theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\text{Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ + chi phí nguyên vật liệu trực} \\ \text{tiếp trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành + Số} \\ \text{lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Cuối tháng các bộ phận liên quan như : Phòng kế toán, phòng kế hoạch, và thủ kho các phân xưởng tiến hành kiểm kê sản phẩm dở dang trên các loại nguyên liệu, ..., số liệu về lượng các loại đến thời điểm kiểm kê

Trong tháng công ty hoàn thành nhập kho 250 chiếc đệm Hanful 1,5 x 1,9m, dở dang 30 chiếc. Chi phí dở dang đầu kỳ: 57.427.240

$$\text{Chi phí sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} = \frac{57.427.240 + 318.918.936}{250 + 30} \times 30 = 40.322.805 \text{ đồng}$$

Sau khi tập hợp chi phí sản xuất và xác định được giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm, ghi vào thẻ tính giá thành:

Căn cứ bảng tổng hợp và phân bổ chi phí sản xuất, kế toán lập bảng tính giá thành cho sản phẩm Đệm Hanful như biểu số 2.24:

Biểu số 2.24: Bảng tính giá thành sản phẩm

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Tên sản phẩm : Đệm Hanful 1,5 x 1,9m

Chỉ tiêu	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC	Tổng cộng
Chi phí DDĐK	57.427.240	-	-	57.427.240
Chi phí PSTK	318.918.936	72.054.150	43.120.035	434.093.121
Chi phí DDCK	40.322.805	-	-	40.322.805
Tổng Z	336.023.371	72.054.150	43.120.035	451.197.556
Z đơn vị	1.344.093	288.217	172.480	1.804.790

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập số

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

***Căn cứ vào bảng tính giá thành kế toán lập phiếu nhập kho thành phẩm như biểu số 2.25**

Biểu số 2. 25: Phiếu nhập kho

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số 01 -VT

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông,
An Dương, HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nợ : 155

Số:25/12

Có : 154

Họ và tên người giao : Nguyễn Thị Mai

Nhập theo : Nhập tại kho : Công ty. Địa điểm: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, HP

ST T	Tên, quy cách ký hiệu vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đệm Hanful		Chiếc	250	250	1.804.790	451.197.556
Cộng thành tiền							451.197.556

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ vào các phiếu kế toán, bảng tính giá thành, phiếu nhập kho kế toán ghi sổ nhật ký chung như biểu 2.26:

Biểu số 2. 26: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo
Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số S03a -DN
 (Ban hành theo QĐ số
 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
PKT05/12	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	154 621	1.874.241.000	1.874.241.000
PKT06/12	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154 622	254.501.160	254.501.160
PKT07/12	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154 627	170.141.699	170.141.699
PNK25/12	31/12	Nhập kho đệm Hanful	155 154	451.197.556	451.197.556
.....
		Cộng phát sinh tháng		21.415.486.400	21.415.486.400
		Cộng lũy kế từ đầu năm		257.218.369.250	257.218.369.250

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

*Căn cứ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 154 như biểu 2.27

Biểu số 2.27: Trích sổ cái TK 154

Đơn vị: Công ty TNHH Quang Đạo

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Khê, An (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC

Đông, An Dương, Hải Phòng..

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tài khoản : 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Sđđk</u>		<u>247.232.600</u>	
PKT05/12	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	1.874.241.000	
PKT06/12	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	622	254.501.160	
PKT07/12	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	627	170.141.699	
PNK25	31/12	Nhập kho đệm Hanful	155		451.197.556
		Cộng phát sinh tháng 12		2.255.248.200	2.021.642.000
		Công lũy kế từ đầu năm		26.060.240.000	22.467.942.000
		<u>Sđck</u>		<u>3.839.530.600</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Quang Đạo)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH QUANG ĐẠO

3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH Quang Đạo.

Công ty TNHH Quang Đạo được thành lập từ năm 2001, giai đoạn kinh tế ở Việt Nam đang trên đà phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Với mục đích mang đến cho khách hàng những sản phẩm về chăn ga gối đệm có chất lượng cao, giá thành thấp nhất, bước đầu công ty đã tạo được uy tín trên thị trường. Để làm được điều đó, ngoài việc công ty có một bộ máy quản lý có trình độ cao, đội ngũ công nhân lành nghề, nhiệt huyết trong công việc thì phải nói đến bộ máy kế toán, một cánh tay đắc lực cho nhà quản trị, cung cấp các thông tin kinh tế một cách chính xác, kịp thời, giúp nhà quản trị đưa ra các hướng đi đúng đắn.

Hơn nữa, chi phí sản xuất quyết định trực tiếp đến giá thành sản phẩm. Vì thế, công ty rất chú trọng tới công tác kế toán, ngay từ khi thành lập công ty đã đầu tư một bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả, phản ánh chi phí một cách chính xác, theo đúng nguyên tắc về đánh giá, phản ánh theo đúng giá thực tế tại mỗi thời điểm phát sinh chi phí, hạch toán và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng, địa điểm phát sinh. Điều đó đã giúp công ty rất nhiều trong việc hạch toán giá thành sản phẩm.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo nói riêng, đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Trong nền kinh tế thị trường công ty đã xây dựng được mô hình quản lý, hạch toán phù hợp với yêu cầu thị trường, Công ty đã và đang hoạt động sản xuất ngày càng có uy tín trên thị trường trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm chăn ga gối đệm. Đó là nhờ sự cố gắng không mệt mỏi của Ban giám đốc và tập

thể công nhân viên trong Công ty. Trong đó có sự cố gắng không nhỏ của Phòng kế toán

- *Về tổ chức bộ máy quản lý tại công ty:*

Từ khi thành lập cho tới nay, công ty đã xây dựng được một bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban đáp ứng đầy đủ nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán, giúp doanh nghiệp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, giảm nhẹ biên chế trong bộ máy làm việc.

- *Về tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng:*

Công ty có bộ máy kế toán của được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ, quy trình làm việc khoa học, thêm vào đó lại có sự phân nhiệm rõ ràng đối với từng người tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán. Đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ, có chuyên môn tốt, ý thức trách nhiệm cao và nhiệt tình trong công việc, luôn phát huy hết khả năng của mình đồng thời không ngừng học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau về chuyên môn nghiệp vụ. Công tác kế toán được sắp xếp theo từng bộ phận: kế toán bán hàng, kế toán tổng hợp, thủ quỹ...do đó, công tác chỉ đạo sản xuất, quản lý sản xuất, quản lý giá thành và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được kịp thời, đúng lúc.

Công ty TNHH Quag Đạo áp dụng hình thức Nhật ký chung, thực hiện hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với phương pháp tập hợp chi phí của công ty và trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán. Việc áp dụng phương pháp này cho phép phòng kế toán theo dõi và nắm bắt tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu một cách thường xuyên, liên tục, hạn chế tình trạng thất thoát, sử dụng lãng phí nguyên vật liệu. Hạch toán đúng chi phí sản xuất cho các đối tượng sử dụng, giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm bắt được tình hình sử dụng các loại nguyên vật liệu một cách chính xác, từ đó có những quyết định đúng đắn, kịp thời thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1.2. Nhược điểm

❖ *Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:*

Công ty áp dụng kế toán thủ công gây ra không ít khó khăn cho công việc hạch toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Từ lâu Công ty đã trang bị hệ thống máy tính hiện đại tuy nhiên máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ... Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

❖ *Về phế liệu thu hồi ghi giảm chi phí sản xuất*

Nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng cấu thành nên giá thành sản phẩm và chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí giá thành. Trong công tác quản lý nguyên vật liệu, mặc dù công ty đã tiến hành nhiều biện pháp trong việc quản lý vật liệu, song do đặc điểm sản xuất của công ty là nguyên vật liệu cắt thừa có thể tận dụng làm được nhiều sản phẩm. Công ty đã chưa tận dụng hết những nguyên vật liệu, phế liệu trong sản xuất.

❖ *Về trích trước chi phí*

Tại công ty TNHH Quang Đạo việc trích trước các khoản chi phí chưa được thực hiện, các khoản chi phí như chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí quản lý,...

❖ *Về công tác hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất:*

Là doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, việc hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất sản xuất là công việc hết sức cần thiết giúp làm giảm chi phí và tránh lãng phí nhưng công tác này chưa được chú trọng thực hiện. Những khoản thiệt hại này không những gây tổn thất cho công ty mà còn làm chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi , một doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững thì phải tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình từ việc đầu tư vốn, tổ chức sản xuất đến việc tiêu thụ sản phẩm. Để cạnh tranh trên thị

trường, ngoài việc các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi mẫu mã cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng thì doanh nghiệp phải giảm được giá thành sản phẩm. Giá thành giảm sẽ tăng được lợi nhuận cho doanh nghiệp – điều bất cứ doanh nghiệp nào cũng mong muốn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu hạ giá thành sản phẩm là việc hết sức quan trọng.

Để giảm giá thành ở mức tối đa, doanh nghiệp buộc phải giảm tối đa các khoản chi phí sản xuất. Trong doanh nghiệp sản xuất, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm phần lớn trong giá thành sản phẩm. Để làm được điều đó, doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, đồng thời tìm ra các biện pháp giảm chi phí không cần thiết, tránh lãng phí, tìm nguồn cung ứng nguyên liệu, vật liệu giá rẻ nhưng vẫn bảo đảm chất lượng... Ngoài ra, doanh nghiệp cần phải có bộ máy kế toán giỏi, năng động, trong đó công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành luôn luôn chính xác, khách quan có như vậy thông tin cung cấp cho các nhà quản lý doanh nghiệp mới đảm bảo độ tin cậy cao. Cho nên, việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất là hết sức quan trọng.

Qua tìm hiểu về công tác kế toán tại Công ty TNHH Quang Đạo, công ty có những tồn tại cần khắc phục sau:

- *Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán*
- *Về công tác hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất*
- *Về phế liệu thu hồi ghi giảm chi phí sản xuất*
- *Về trích trước chi phí*

3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành tại công ty TNHH Quang Đạo.

3.3.1 Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành tại công ty TNHH Quang Đạo.

Mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp là tìm kiếm lợi nhuận và tối đa hoá lợi nhuận với chi phí bỏ ra là nhỏ nhất, trong khi đó, khách hàng lại mong muốn tìm kiếm những sản phẩm thoả mãn tối đa nhu cầu của mình. Do đó, doanh nghiệp phải tìm cách để giải quyết mâu thuẫn này, làm sao để có lợi nhuận cao nhất mà vẫn thoả mãn tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Kế toán với tư cách là một trong những bộ phận quan trọng trong quản lý

kinh tế, thực hiện việc quản lý, giám sát và điều hành những hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp. Những thông tin mà kế toán thu nhận, xử lý và cung cấp là căn cứ để doanh nghiệp nắm bắt được tình hình thực tế, từ đó tìm cho mình hướng đi phù hợp. Để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành tại công ty TNHH Quang Đạo đảm bảo những yêu cầu sau:

- Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tích chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.
- Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.
- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.3.2 Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành tại công ty TNHH Quang Đạo.

Xuất phát từ thực trạng sản xuất kinh doanh, công ty TNHH Quang Đạo đang từng bước xây dựng và ngày càng hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với những phương hướng chủ đạo sau:

- 1. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình thu thập, xử lý những dữ liệu kế toán**
- 2. Phân đầu giảm chi phí sản xuất trên cơ sở sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, sử dụng tiết kiệm các loại chi phí nguyên vật liệu, động lực trong quy trình sản xuất, giảm sản phẩm hỏng.**

3. Phân đầu giảm chi phí nhân công trực tiếp trên cơ sở phát triển năng suất lao động, tổ chức lao động một cách khoa học, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tiền lương của công nhân viên chức.

4. Chú trọng công tác hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất giúp cho quá trình sản xuất được diễn ra hợp lý và đạt hiệu quả cao.

3.4 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo.

3.4.1 Kiến nghị 1: Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công tác kế toán

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình thu thập, xử lý dữ liệu kế toán của công ty TNHH Quang Đạo chưa được chú trọng đầu tư. Quá trình hạch toán kế toán thực hiện thủ công gặp không ít khó khăn trong việc tập hợp các loại chi phí, cũng như quá trình bán hàng và tiêu thụ sản phẩm. Để có thể thực hiện một quá trình thông suốt trong sản xuất kinh doanh công ty nên sử dụng phần mềm kế toán.

Sử dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác, góp phần đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác kế toán nói riêng cũng như công tác quản lý nói chung.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT- BTC của Bộ Tài Chính ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”. Hoặc công ty có thể đi mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST của công ty cổ phần FAST.
- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán ASOFT của công ty giải pháp phần mềm ASOFT.
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN

Để có thể thực hiện tốt trong việc sử dụng phần mềm kế toán và ứng dụng công nghệ tin học trong quá trình hạch toán kế toán, công ty cần phải trang bị cho đội ngũ nhân viên những kiến thức, kỹ năng trong việc sử dụng tin học

trong công việc, tạo điều kiện khai thác những tính năng ưu việt của phần mềm mag lại. Việc sử dụng thành công phần mềm sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, sai sót đồng thời lưu trữ, bảo quản số liệu thuận lợi và an toàn.

Sau đây là giao diện phần mềm kế toán Misa công ty có thể áp dụng :



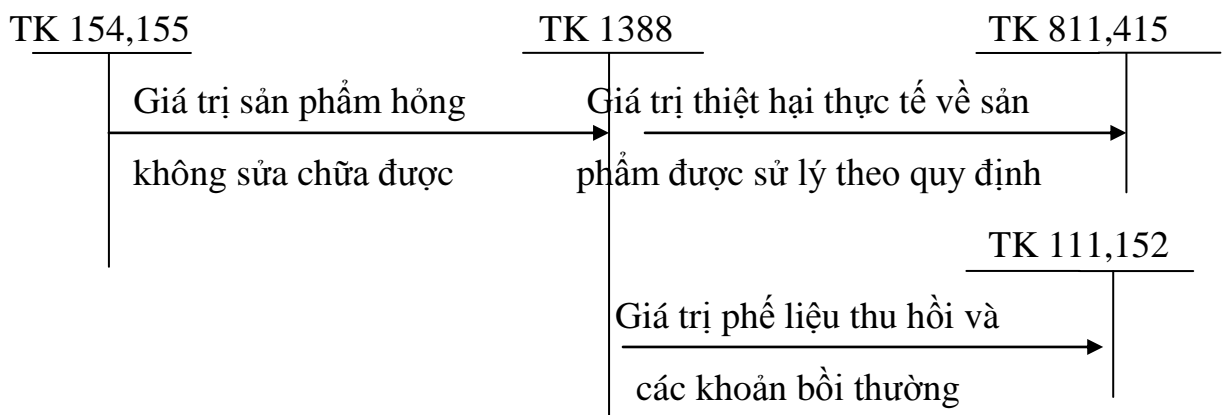
3.4.2 Kiến nghị 2: Về công tác hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất

Trong quá trình sản xuất sản phẩm có những thời điểm công ty phải bỏ ra những chi phí không đem lại kết quả vì các nguyên nhân khác nhau như: thiên tai, hỏa hoạn, trình độ tay nghề của người lao động, chất lượng nguyên vật liệu không đảm bảo...Nếu không tiến hành theo dõi các khoản thiệt hại trong sản xuất sẽ dẫn tới một số hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý lao động như khó có thể thu hồi khoản bồi thường thiệt hại, không giáo dục được ý thức

cần trọng trong lao động của công nhân... Để tránh tình trạng này xảy ra Công ty nên tiến hành hạch toán các khoản chi phí thiệt hại này căn cứ vào từng nguyên nhân cụ thể. Có như vậy mới hạn chế và khắc phục, kiểm soát và quản lý được các khoản thiệt hại và đảm bảo độ chính xác của giá thành sản phẩm.

Thiệt hại trong sản xuất tại công ty bao gồm những sản phẩm hỏng do đang trong quá trình sản xuất xong nhưng có những sai phạm về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến, mẫu mã quy cách nhưng đều có thể sửa chữa được.

Sơ đồ 3.1: Hạch toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được



3.4.3 Kiến nghị 3: Về phế liệu thu hồi ghi giảm chi phí sản xuất

Thu hồi và tận dụng phế liệu là một nội dung quan trọng trong quản lý kinh tế. Các nguyên vật liệu dư thừa sẽ được sử dụng cho các mục đích khác, cũng như có thể đem tái sử dụng bằng cách thu hồi các đầu vải bông mút thừa để tận dụng làm gối, gấu bông,... Mặt khác thu hồi, tận dụng được nguồn phế liệu sẽ làm cho việc hạch toán chi phí được chính xác hoàn thiện hơn góp phần hạ giá thành sản phẩm

Phế liệu thu hồi ghi: Nợ TK 152,111

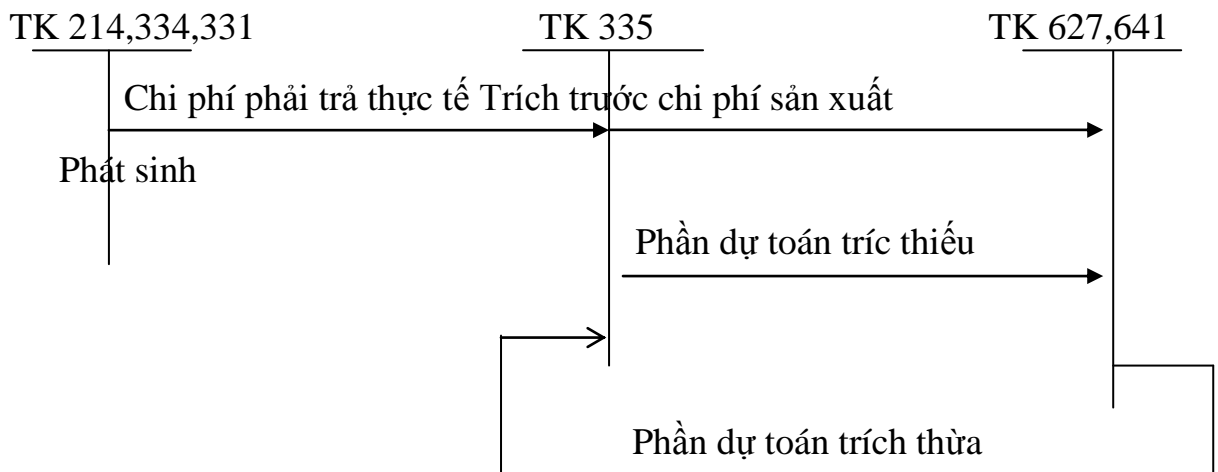
Có TK 154

3.4.4. Về việc trích trước chi phí

Mục đích của việc trích trước chi phí là để ổn định chi phí sản xuất trong các kỳ, cần trích các khoản như tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất(do số lượng của công nhân rất lớn, vì thế trong năm số lượng công nhân nghỉ phép cũng tương đối nhiều), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định,...

Sơ đồ hạch toán các khoản chi phí trích trước

Sơ đồ 3.2: Hạch toán trích trước chi phí



3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Đạo.

3.5.1 Về phía nhà nước

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập và phát triển,việc gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp trong nước về vốn đầu tư,công nghệ sản xuất,giới thiệu sản phẩm...Doanh nghiệp có thể tồn tại và kinh doanh hiệu quả thì nhờ một phần lớn vào vốn vay và các chính sách kinh tế của nhà nước mang lại.Hiện nay việc lợi nong các hình thức kinh doanh,thuế suất khiến cho việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp được thuận tiện hơn góp phần làm tăng doanh thu và giảm chi phí sản xuất.

3.5.2 Về phía doanh nghiệp

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn.Vì vậy,việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành đúng đắn,chính xác,kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.Tại công ty TNHH Quang Đạo cần chú trọng đầu tư vào những mặt hạn chế của doanh nghiệp như công tác nguyên vật liệu,công tácứng dụng công nghệ tin học trong quá trình quản lý thu thập,xử lý dữ liệu kế toán,thực hiệntrích trước chi phí và công tác hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất.

Để thực hiện được những chỉ tiêu trên toàn thể cán bộ công nhân viên phải cố gắng không ngừng,thực hiện những giải pháp trung thực,khách quan vì mục đích cuối cùng là mang lại lợi nhuận cao cho công ty.

KẾT LUẬN

Trong quá trình sản xuất sản phẩm, một mặt doanh nghiệp phải bỏ ra các khoản chi phí để tiến hành sản xuất, mặt khác doanh nghiệp sẽ thu được một lượng kết quả sản xuất gồm thành phẩm và sản phẩm dở dang. Để đảm bảo bù đắp được chi phí và có lãi, các doanh nghiệp phải tính toán sao cho với lượng chi phí bỏ ra có thể thu được kết quả cao nhất, đặc biệt là phải tính toán chính xác giá thành sản xuất của các sản phẩm làm ra để có căn cứ xác định mức chi phí cần bù đắp cũng như giá bán của sản phẩm, và cuối cùng là tính toán kết quả kinh doanh đạt được trong kỳ kế toán.

Xuất phát từ ý nghĩa đó, ngay từ khi mới về thực tập tại Công ty TNHH Quang Đạo, em đã cố gắng đi sâu tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến giá thành, qua đó đi sâu đến phương pháp tập hợp chi phí sản xuất để tính ra được giá thành sản phẩm, tìm ra những thành công và hạn chế cần khắc phục, từ đó đưa ra những biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty. Em hy vọng những ý kiến mà em đưa ra trong khóa luận này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty trong thời gian tới. Bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Đạo :

- **Kiến nghị về công nghệ thông tin trong công tác kế toán**
- **Kiến nghị về công tác hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất**
- **Kiến nghị về phế liệu thu hồi**
- **Kiến nghị về trích trước chi phí**

Tuy nhiên do thời gian và năng lực còn hạn chế, khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý chỉ bảo của thầy giáo *Ths. Nguyễn Đức Kiên* cũng như các cô chú, anh chị tại các phòng ban của công ty để em có thể nâng cao nhận thức của mình về vấn đề này và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình được tốt hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo *Ths. Nguyễn Đức Kiên* người đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp và sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị làm việc tại Công ty TNHH Quang Đạo đã giúp em trong thời gian vừa qua.

Sinh viên
Đào Thị Mùi

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **TS. Phan Đức Dũng**(năm 2007) ,*Kế toán chi phí giá thành*, Nhà xuất bản thống kê.
2. **Bộ tài chính**(năm 2011),*Hệ thống kế toán Việt Nam Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 2 Báo cáo tài chính chứng từ, sổ kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Lao động.
3. **PGS. TS. Nguyễn Đình Đỗ và TS. Trương Thị Thủy**(năm 2006), *Kế toán và phân tích Chi phí – Giá thành trong doanh nghiệp (theo chuẩn mực kế toán Việt Nam)*, Nhà xuất bản Tài chính.
4. **PGS. TS. Võ Văn Nhị**(năm 2009)*Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính.